

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU  
Số: 4116 /CV-VP HĐQT.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 08/4/2025, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Biên bản họp và nghị quyết đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <https://acb.com.vn/nha-dau-tu> từ 09/4/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP HĐQT, P TH.

**Đính kèm:**

- 01 Biên bản họp;
- 14 Nghị quyết.



*Đàm Văn Tuấn*  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2025

### I. TỔNG QUÁT

#### 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp:

- Tên: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số doanh nghiệp: 0301452948.

#### 2. Thời gian: Từ 08 giờ 35 phút, thứ Ba ngày 08 tháng 4 năm 2025.

#### 3. Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- 4.1 Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu (sau đây gọi là Đại hội) vào lúc 08 giờ 39 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 588 (bằng chữ: năm trăm tám mươi tám) cổ đông, số cổ phần đại diện tương ứng là 2.688.394.679 (bằng chữ: hai tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi chín) cổ phần, tương ứng với 60,19% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

#### 4.2 Khách mời:

Đại diện của các cơ quan chức năng:

- Cục Quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 2;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH KPMG (Việt Nam).

#### 5. Chủ tọa đoàn:

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Từ Tiến Phát, Tổng giám đốc.

## 6. Các thành viên HĐQT và BKS:

- HĐQT: Các ông/bà Nguyễn Thành Long, Đặng Thu Thủy, Đàm Văn Tuấn, Đỗ Minh Toàn, Nguyễn Văn Hòa và Trịnh Bảo Quốc.
  - BKS: Bà Nguyễn Thị Minh Lan và bà Hoàng Ngân.
7. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Nội dung như sau: Tổng số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia là 588 (bằng chữ: năm trăm tám mươi tám) cổ đông, số cổ phần đại diện tương ứng là 2.688.394.679 (bằng chữ: hai tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi chín) cổ phần, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng là 60,19%. Theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Ngân hàng, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng đã đủ điều kiện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
8. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.
9. Chủ tọa đoàn chỉ định Thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.
10. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban tổ chức Đại hội, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình họp Đại hội.
11. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.
12. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm Trưởng Ban là ông Nguyễn Hồng Tân (Trưởng phòng Pháp chế), và các thành viên là bà Nguyễn Thị Nhật Huyền (Phó giám đốc Phòng Tuân thủ) và ông Huỳnh Văn Sơn (Chuyên viên Văn phòng HĐQT.)
13. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.

## II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. **Đọc Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.**
2. **Cổ đông biểu quyết về Quy chế biểu quyết bằng tờ biểu quyết.**
3. **Đọc các báo cáo và tờ trình.**
  - (1) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - (2) Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - (3) Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024;
  - (4) Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi

nhuận năm 2025;

- (5) Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- (6) Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
- (7) Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;
- (8) Tờ trình về phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- (9) Tờ trình về việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- (10) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (11) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (12) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (13) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

#### **4. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.**

Kết quả: Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế biểu quyết. *(Biên bản kiểm phiếu về Quy chế biểu quyết đính kèm.)*

#### **5. Đại hội thảo luận các vấn đề tại Mục II.3**

– Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi có nội dung như sau:

- + Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2025, cập nhật kết quả kinh doanh đến quý I/2025;
- + Khả năng tăng trưởng tín dụng trong kịch bản kinh tế vĩ mô thách thức hơn dự kiến và các động lực tăng trưởng là gì?
- + Giải pháp quản lý rủi ro đối với sự biến động của lãi suất, tỷ giá và sự khó khăn kéo dài của thị trường bất động sản trong nước;
- + Đánh giá rủi ro khi hoạt động kinh doanh tập trung vào mảng khách hàng doanh nghiệp;
- + Vấn đề kiểm soát nợ xấu;
- + Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng trong 05 năm tới, tầm nhìn dài hạn đối với hoạt động ngân hàng số;
- + Kế hoạch phát triển của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) sau khi được tăng vốn;
- + Vấn đề cổ tức: phương thức chia và tiến độ chi trả;
- + Gia tăng nhận diện thương hiệu của ACB đối với giới trẻ, nhóm khách hàng trẻ.

- Chủ tọa đoàn đã trả lời đầy đủ các câu hỏi của cổ đông.
- 6. **Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.**  
Vào lúc 10 giờ 44 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 815 (bằng chữ: tám trăm mười lăm) cổ đông, đại diện cho 2.927.944.131 (bằng chữ: hai tỷ, chín trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm ba mươi một) cổ phần, tương ứng với 65,55% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 7. **Cổ đông biểu quyết 13 vấn đề tại Mục II.3 bằng tờ biểu quyết.**
- 8. **Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.**
- 9. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết 13 vấn đề (Biên bản kiểm phiếu 13 vấn đề tại mục II.3 đính kèm.)**
- 10. **Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.**
  - 10.1 Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
  - 10.2 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:
    - Tổng tài sản tăng 14%, ước đạt 984.967 tỷ đồng;
    - Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 14%, ước đạt 728.409 tỷ đồng;
    - Cho vay khách hàng tăng 16%, ước đạt 673.596 tỷ đồng;
    - Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 9,5%, ước đạt 23.000 tỷ đồng;
    - Tỷ lệ nợ xấu (Nhóm 3 – Nhóm 5) dưới 2%.
  - 10.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
  - 10.4 Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 24/02/2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội và các báo cáo tài chính đăng trên trang thông tin điện tử [www.acb.com.vn](http://www.acb.com.vn).)
  - 10.5 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:
    - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

| STT | Nội dung                                       | Số tiền (VND)      |
|-----|--|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2024 | 21.005.870.964.347 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                     | 4.216.103.263.510  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                       | 16.789.767.700.837 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)             | 16.085.198.040.176 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                   | 3.332.133.327.144  |

| STT | Nội dung   | Số tiền (VND)      |
|-----|--|--------------------|
| 4b  | Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)              | 1.608.519.804.018  |
| 4c  | Quỹ của các công ty con                                | 15.093.719.108     |
| 4d  | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                       | 100.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2024 sau khi trích lập các quỹ (3-4)         | 13.457.634.373.693 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                  | 10.176.117.898.366 |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2024 (5+6)    | 23.633.752.272.059 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB  | 44.666.579.120.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                         | 4.466.657.912      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2024            | 4.466.657.912      |
| 11  | Chia cổ tức năm 2024 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%) | 11.166.644.782.000 |
| 12  | Lợi nhuận còn lại (7-11)                               | 12.467.107.490.059 |

– Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025:


| STT | Nội dung   | Số tiền (VND)      |
|-----|--|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2025             | 23.000.000.000.000 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | 4.600.000.000.000  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                   | 18.400.000.000.000 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                         | 17.149.600.000.000 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                               | 3.780.000.000.000  |
|     | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                           | 100.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2025 sau khi trích lập các quỹ (3-4)             | 14.620.000.000.000 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                      | 12.467.107.490.059 |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2025 (5+6)        | 27.087.107.490.059 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB  | 44.666.579.120.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                             | 4.466.657.912      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2024 (15%) | 669.998.687        |
| 11  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2025 (9+10)         | 5.136.656.599      |
| 12  | Chia cổ tức năm 2025 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)     | 12.841.641.499.000 |
| 13  | Lợi nhuận còn lại (7-12)                                   | 14.245.465.991.059 |

– Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

**10.6** Thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm như sau:

- Tăng mức vốn điều lệ từ 44.666.579.120.000 đồng lên 51.366.565.990.000 đồng (tăng thêm 6.699.986.870.000 đồng).
  - Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 44.666.579.120.000 đồng lên 51.366.565.990.000 đồng.
  - Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
  - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 10.7** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2025 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2025.
- 10.8** Thông qua việc chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) thực hiện kiểm toán Ngân hàng TMCP Á Châu và các công ty con cho năm tài chính 2025.
- 10.9** Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và ban hành Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm của Ngân hàng TMCP Á Châu. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 10.10** Thông qua việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp mà TMCP Ngân hàng Á Châu phát hành ra công chúng phù hợp với quy định của pháp luật; Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề cần thiết để thực hiện việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- 10.11** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 10.12** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 10.13** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- 10.14** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

### III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Ông Đàm Văn Tuấn đọc dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.  
Kết quả: Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp. *(Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm.)*
4. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa đoàn, phát biểu bế mạc.
5. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 35 phút cùng ngày. 

THƯ KÝ LẬP BIÊN BẢN HỌP  
THƯ KÝ CÔNG TY



Phan Lạc Kim Trinh

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN   
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

Hôm nay, ngày 08/4/2025, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

### I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 03/3/2025): 77.137 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 4.466.657.912 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 4.466.657.912 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 708 cổ đông, chiếm 0,92% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.768.336.283 cổ phần, chiếm 61,98% số cổ phần có quyền biểu quyết.

### II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.673.715.016 cổ phần, chiếm 96,58% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 94.621.267 cổ phần, chiếm 3,42% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 25.492, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:


- + **Tán thành:** 541 cổ đông, chiếm 76,41% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.673.688.946 cổ phần, chiếm 96,58% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,14% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 164 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 2 cổ đông, chiếm 0,28% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 414 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

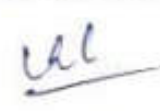
### III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 08/4/2025.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

  
Nguyễn Văn Sĩ

  
Nguyễn Thị Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

  
Nguyễn Hữu Tài

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Hôm nay, ngày 08/4/2025, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

**I. Số lượng cổ đông dự họp:**

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 03/3/2025): 77.137 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 4.466.657.912 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 4.466.657.912 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 816 cổ đông, chiếm 1,06% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.927.944.131 cổ phần, chiếm 65,55% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:****1. Báo cáo của Hội đồng quản trị.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.006.303 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.937.828 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 677 cổ đông, chiếm 82,97% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.850.079.626 cổ phần, chiếm 97,34% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 1,59% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 29.926.677 cổ phần, chiếm 1,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.



## 2. Báo cáo của Ban kiểm soát.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.006.303 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.937.828 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 678 cổ đông, chiếm 83,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.850.106.562 cổ phần, chiếm 97,34% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.000 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 11 cổ đông, chiếm 1,35% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 29.896.741 cổ phần, chiếm 1,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.879.991.951 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.952.180 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 671 cổ đông, chiếm 82,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.834.356.701 cổ phần, chiếm 96,80% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 4 cổ đông, chiếm 0,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 15.735.409 cổ phần, chiếm 0,54% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 13 cổ đông, chiếm 1,59% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 29.899.841 cổ phần, chiếm 1,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 4. Phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.006.303 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.937.828 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 673 cổ đông, chiếm 82,48% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.522.117 cổ phần, chiếm 97,32% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.000 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 16 cổ đông, chiếm 1,96% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.482.186 cổ phần, chiếm 1,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.877.899.618 cổ phần, chiếm 98,29% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 50.044.513 cổ phần, chiếm 1,71% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 56.839, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 669 cổ đông, chiếm 81,99% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.847.414.667 cổ phần, chiếm 97,25% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,25% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.164 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 15 cổ đông, chiếm 1,84% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.425.948 cổ phần, chiếm 1,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.879.949.465 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.994.666 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 663 cổ đông, chiếm 81,25% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.435.207 cổ phần, chiếm 97,32% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 3 cổ đông, chiếm 0,37% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.323 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 2,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.510.935 cổ phần, chiếm 1,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

**7. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.**

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.006.303 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.937.828 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 657 cổ đông, chiếm 80,51% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.801.107.757 cổ phần, chiếm 95,67% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 9 cổ đông, chiếm 1,10% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 42.821.089 cổ phần, chiếm 1,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 24 cổ đông, chiếm 2,94% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 36.077.457 cổ phần, chiếm 1,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.879.992.951 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.951.180 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 91.261, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 661 cổ đông, chiếm 81,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.847.947.880 cổ phần, chiếm 97,27% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 27 cổ đông, chiếm 3,31% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 31.953.810 cổ phần, chiếm 1,09% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 9. Niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.006.303 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.937.828 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 662 cổ đông, chiếm 81,13% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.317.004 cổ phần, chiếm 97,31% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 62.255 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 27 cổ đông, chiếm 3,31% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.627.044 cổ phần, chiếm 1,05% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

## 10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.005.932 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.938.199 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 665 cổ đông, chiếm 81,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.773.917 cổ phần, chiếm 97,33% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 23 cổ đông, chiếm 2,82% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.232.015 cổ phần, chiếm 1,03% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

    
Trang 4/6

### 11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.879.991.751 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.952.380 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 980, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 660 cổ đông, chiếm 80,88% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.709.672 cổ phần, chiếm 97,33% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 164 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 26 cổ đông, chiếm 3,19% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.280.935 cổ phần, chiếm 1,03% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

### 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.879.991.751 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.952.380 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 980, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 661 cổ đông, chiếm 81,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.712.579 cổ phần, chiếm 97,33% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 164 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 25 cổ đông, chiếm 3,06% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.278.028 cổ phần, chiếm 1,03% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

### 13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.880.005.103 cổ phần, chiếm 98,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 47.939.028 cổ phần, chiếm 1,64% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 662 cổ đông, chiếm 81,13% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.849.723.376 cổ phần, chiếm 97,33% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,25% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.164 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 25 cổ đông, chiếm 3,06% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 30.278.563 cổ phần, chiếm 1,03% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

### III. Kết luận:


Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội

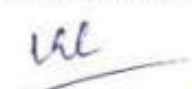
đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024;
4. Phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
7. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;
8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
9. Niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 08/4/2025.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

  
Nguyễn Văn Sơn

  
Nguyễn Thị Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

  
Nguyễn Hồng Tài



## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỌP

Hôm nay, ngày 08/4/2025, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

### I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 03/3/2025): 77.137 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 4.466.657.912 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 4.466.657.912 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 816 cổ đông, chiếm 1,06% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.927.944.131 cổ phần, chiếm 65,55% số cổ phần có quyền biểu quyết.

### II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.915.329.610 cổ phần, chiếm 99,57% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 12.614.521 cổ phần, chiếm 0,43% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 115, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
  - + **Tán thành:** 610 cổ đông, chiếm 74,75% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.896.807.081 cổ phần, chiếm 98,94% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
  - + **Không có ý kiến:** 4 cổ đông, chiếm 0,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 18.522.414 cổ phần, chiếm 0,63% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

### III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 08/4/2025.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Văn Sĩ

Nguyễn Thị Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Hồng Tài



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên  
năm 2025

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 08 tháng 4 năm 2025.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *[Handwritten signature]*  
CHỦ TỌA



*[Handwritten signature]*

Trần Hùng Huy



**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ  
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2025**

**Điều 1. Vấn đề biểu quyết.**

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
8. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;
9. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
10. Niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
13. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
14. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu;
15. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**Điều 2. Tờ biểu quyết.**

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 15 Thẻ biểu quyết tương ứng với 15 vấn đề cần biểu quyết:
  - 1.1. Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề *Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.*
  - 1.2. Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 13 Thẻ biểu quyết tương ứng với 13 vấn đề, cụ thể như sau:

    - (1) Thẻ biểu quyết về *Báo cáo của Hội đồng quản trị;*
    - (2) Thẻ biểu quyết về *Báo cáo của Ban kiểm soát;*

- (3) Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024;
- (4) Thẻ biểu quyết về việc Phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025;
- (5) Thẻ biểu quyết về Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- (6) Thẻ biểu quyết về Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
- (7) Thẻ biểu quyết về việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;
- (8) Thẻ biểu quyết về Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- (9) Thẻ biểu quyết về Niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- (10) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (11) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (12) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (13) Thẻ biểu quyết về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

### 1.3. Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025*.

### 2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

- Ngày đại hội, kỳ đại hội;
- Họ và tên cổ đông;
- Số cổ phần sở hữu;
- Số phiếu biểu quyết;
- Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);
- Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" của từng vấn đề biểu quyết.
- Các nội dung khác (nếu có).

3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.

4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

### Điều 3. Cách thức biểu quyết.

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết .
- a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:
  - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn  và
  - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới .
- b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:
  - + Tô đen ô khoanh tròn đó .
2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:
  - a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; hoặc
  - b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; hoặc
  - c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); hoặc
  - d. Thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức đại hội cổ đông phát hành; hoặc
  - đ. Thẻ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
4. Ban kiểm phiếu thu Thẻ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

#### **Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề.**

1. Đối với việc biểu quyết về (i) *Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm*, và (ii) *Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu*, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

#### **Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu.**

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành.**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp thường niên ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2025**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### VỀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

#### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:
- Tổng tài sản tăng 14%, ước đạt 984.967 tỷ đồng;
  - Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 14%, ước đạt 728.409 tỷ đồng;
  - Cho vay khách hàng tăng 16%, ước đạt 673.596 tỷ đồng;
  - Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 9,5%, ước đạt 23.000 tỷ đồng;
  - Tỷ lệ nợ xấu (Nhóm 3 – Nhóm 5) dưới 2%.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ<sup>1</sup>**

Thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HDQT), theo đó bảo đảm hoạt động của HDQT và vai trò chỉ đạo và kiểm soát của HDQT đối với Ban điều hành (BDH) có hiệu quả, HDQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HDQT như sau:

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2024.**

#### **1. Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2024.**

- *Nghị quyết số 1243/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính tín dụng trọng yếu được trình bày tại phần “1.1 Tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận” tại mục III của Báo cáo này.)*
- *Nghị quyết số 1246/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024: Việc chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu và tiền mặt được hoàn thành trong thời hạn quy định. Cổ tức được thanh toán vào ngày 13/6/2024, hơn hai tháng sau ngày đại hội cổ đông thường niên (04/4/2024.) Tài khoản chứng khoán của cổ đông được ghi có vào ngày 19/6/2024.*
- *Nghị quyết số 1247/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đã được Ngân hàng Nhà nước Việt nam (NHNN) chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 38.840.503.580.000 đồng (Ba mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) lên 44.666.579.120.000 đồng (Bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) theo Công văn số 3822/NHNN-TTGSNH ngày 08/5/2024, và Quyết định số 1370/QĐ-NHNN ngày 28/6/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của ACB.*
- *Nghị quyết số 1248/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024: Kết quả thực hiện là không vượt mức mà ĐHĐCĐ đã thông qua.*
- *Nghị quyết số 1249/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu: Đã hoàn tất bổ sung các nghiệp vụ/ngành, nghề kinh doanh (Lưu ký chứng khoán; Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán năm 2019; Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán) theo*

<sup>1</sup> Được thực hiện theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Giấy xác nhận số 270120/24 ngày 09/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và Điều lệ ACB.

## **2. Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các nghị quyết của HĐQT.**

Trong năm 2024, HĐQT đã họp 05 (năm) lần và cho ý kiến bằng văn bản 05 (năm) lần; và ban hành tổng cộng 55 (năm mươi lăm) nghị quyết có nội dung liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động trọng yếu, tổ chức bộ máy và nhân sự cấp quản lý. (Các nghị quyết được trình bày tại Báo cáo quản trị công ty số 1024/CV-VPHĐQT.25 ngày 23/01/2025, đã được gửi đến cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của ACB tại đường dẫn <https://acb.com.vn/nha-dau-tu/bao-cao-quan-tri-acb>.)

## **3. Hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT.**

### **3.1 Ủy ban Quản lý rủi ro.**

Ủy ban Quản lý rủi ro có 08 (tám) thành viên, trong đó có 05 (năm) thành viên HĐQT. Trong năm 2024, nghị quyết của Ủy ban Quản lý rủi ro tập trung vào các lĩnh vực sau: hoàn thiện Khung quản trị rủi ro, bao gồm Chính sách quản lý rủi ro và Tuyên bố khẩu vị rủi ro; hoàn thiện cơ chế phối hợp ứng xử nội bộ đối với các vi phạm dẫn đến rủi ro vận hành, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh thẻ, công nghệ thông tin; và xây dựng các hạn mức quản lý tài sản nợ và tài sản có (ALM) linh hoạt theo nhiều kịch bản nhằm hỗ trợ kinh doanh.

### **3.2 Ủy ban Nhân sự.**

Ủy ban Nhân sự có 07 (bảy) thành viên, trong đó có 05 (năm) thành viên HĐQT. Ủy ban Nhân sự trong năm 2024 đã tham mưu cho HĐQT hoặc quyết định các vấn đề về lương thưởng cán bộ công nhân viên cũng như cơ cấu tổ chức và nhân sự quản lý cấp cao của Ngân hàng và các công ty con như bổ nhiệm và tái bổ nhiệm thành viên BDH, điều chỉnh nhân sự các hội đồng trực thuộc BDH và tái bổ nhiệm kiểm soát viên công ty con.

### **3.3 Ủy ban Chiến lược.**

Ủy ban Chiến lược có 06 (sáu) thành viên, trong đó có 04 (bốn) thành viên HĐQT.

Trong năm 2024, Ủy ban Chiến lược đã chỉ đạo rà soát tiến độ, phương pháp tiếp cận cũng như hiệu quả triển khai của 10 (mười) dự án chiến lược đã được phê duyệt vào cuối năm 2022. Kết quả tại cuối năm 2024 như sau:

- 07 (bảy) dự án hoàn thành và được chuyển giao cho các đơn vị kinh doanh hoặc nhân rộng mô hình trên toàn hệ thống;
- 01 (một) dự án liên quan đến phát triển hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) mới đang triển khai đúng tiến độ;
- 01 (một) dự án được ngừng triển khai; và
- 01 (một) dự án được đưa ra khỏi danh mục các dự án.

Các dự án đã hoàn thành phần lớn tập trung vào các vấn đề chuyển đổi mô hình kinh doanh, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu suất, nâng cao năng lực kinh doanh hoặc phát triển năng lực kinh doanh mới.

### 3.4 Ủy ban Đầu tư.

Ủy ban Đầu tư có 05 (năm) thành viên, trong đó có 04 (bốn) thành viên HĐQT. Trong năm 2024, Ủy ban Đầu tư tiếp tục định hướng đầu tư hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng bao gồm: tăng cường đầu tư cho các công ty con hoạt động hiệu quả và tăng trưởng cao; và duy trì nắm giữ các khoản đầu tư hiệu quả trong các lĩnh vực hỗ trợ cho hoạt động Ngân hàng. Nhìn chung, hoạt động đầu tư năm 2024 có đóng góp tích cực vào lợi nhuận hợp nhất của Ngân hàng.

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT.

### 1. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.

ACB có 01 (một) thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2023 – 2028. Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia họp đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như của các ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự) mà thành viên HĐQT độc lập là thành viên, và cho ý kiến đối với tất cả các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, thành viên HĐQT độc lập đều phát biểu về các vấn đề một cách khách quan và độc lập. Thành viên HĐQT độc lập cũng đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong vai trò là người giám sát việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản theo quy định tại Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu.

### 2. Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.

HĐQT ACB trong năm 2024 đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với ĐHCĐ, đảm bảo vai trò chỉ đạo và kiểm soát có hiệu quả đối với BDH. *(Xin xem Báo cáo đánh giá đính kèm.)*

## III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG VÀ CỦA BDH NĂM 2024.

### 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng.

Kết quả hoạt động năm 2024 cho thấy ACB tiếp tục tăng trưởng tốt về quy mô vốn và tài sản, thực hiện đạt 95% chỉ tiêu tổng lợi nhuận trước thuế, đảm bảo các chỉ số hoạt động và về hiệu quả ở mức hợp lý cũng như có cải thiện so với năm trước, và tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

#### 1.1 Tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận.

| Các hạng mục                                  | Quy mô<br>(ngàn tỷ đồng) | Mức tăng<br>(ngàn tỷ đồng) | Tỷ lệ tăng (%) | Thực hiện / Kế<br>hoạch (%) |
|---|--------------------------|----------------------------|----------------|-----------------------------|
| Tổng tài sản (i)                              | 864                      | 145,21                     | 20,20          | 107                         |
| Tiền gửi khách hàng<br>và giấy tờ có giá (ii) | 639                      | 103,84                     | 19,41          | 108                         |



|                                |        |       |       |     |
|--------------------------------|--------|-------|-------|-----|
| Cho vay khách hàng (iii)       | 581    | 93,08 | 19,09 | 104 |
| Vốn chủ sở hữu                 | 83     | 12,51 | 17,62 | -   |
| Tổng lợi nhuận trước thuế (iv) | 21,006 | 0,938 | 5     | 95  |

(i) Các khoản mục trong bảng tổng kết tài sản tiếp tục tăng trưởng ổn định.

(ii) Trong năm 2024, ACB đã phát hành thành công 82.440 tỷ đồng giấy tờ có giá, kỳ hạn bình quân 1,43 năm với chi phí hợp lý, góp phần tăng quy mô nguồn vốn. Các tài liệu và hồ sơ chào bán liên quan đã được công bố đầy đủ trên Chuyên trang của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổng thông tin điện tử của ACB (<https://acb.com.vn/nha-dau-tu>) và các kênh thông tin khác theo quy định của pháp luật.

(iii) Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân tăng 51 ngàn tỷ đồng, tương đương 15,84%.

(iv) Kế hoạch lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024: 22.000 tỷ đồng.

## 1.2 Các chỉ số hoạt động.

### a. Các chỉ số chính.

| Các chỉ số                       | 2024 | 2023 |
|----------------------------------|------|------|
| Chi phí hoạt động / thu nhập (%) | 33   | 33   |
| Tỷ lệ nợ nhóm 2 – nhóm 5 (%)     | 1,97 | 1,86 |
| Tỷ lệ nợ nhóm 3 – nhóm 5 (%)     | 1,49 | 1,21 |
| Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)         | 78   | 91   |

### b. Kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng năm 2024.<sup>2</sup>

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| Các chỉ tiêu | Dư nợ tại 31/12/2024 | Số dư cam kết ngoại bảng tại 31/12/2024 |
|--------------|----------------------|---|
| Nhóm 1       | 721.422              | 30.199                                  |
| Nhóm 2       | 2.742                | 55                                      |
| Nhóm 3       | 917                  | 8                                       |
| Nhóm 4       | 963                  | 9                                       |

<sup>2</sup> Theo Điều 13 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại.

| Các chỉ tiêu | Dư nợ tại 31/12/2024 | Số dư cam kết ngoại bảng tại 31/12/2024 |
|--------------|----------------------|---|
| Nhóm 5       | 6.785                | 14                                      |
| Tổng         | 732.829              | 30.284                                  |

c. Kết quả trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro năm 2024<sup>3</sup>

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | Quỹ dự phòng rủi ro                         | Dự phòng chung | Dự phòng cụ thể | Tổng cộng |
|-----|---|----------------|-----------------|-----------|
| 1   | Tại đầu ngày 1 tháng 1 năm 2024             | 3.579          | 1.684           | 5.263     |
| 2   | (Hoàn nhập)/Trích lập trong năm             | 643            | 956             | 1.599     |
| 3   | Sử dụng để xử lý rủi ro trong năm           | -              | 225             | 225       |
| 4   | Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 = [1]+[2]-[3] | 4.222          | 2.415           | 6.637     |

### 1.3 Các chỉ số hiệu quả.

| Các chỉ số                                      | 2024  | 2023  |
|---|-------|-------|
| Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (%) | 2,12  | 2,42  |
| Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)         | 21,75 | 24,80 |

### 1.4 Tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được ACB giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019, Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Các giới hạn và tỷ lệ này được duy trì ổn định trong năm 2024 và tại ngày 31/12/2024 có giá trị như sau:

| Các tỷ lệ  | Giá trị | Quy định     |
|--|---------|--------------|
| Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (%) (v)                                 | 11,82   | Tối thiểu 8  |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)                                       | 14,94   | Tối thiểu 10 |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn (%) | 18,78   | Tối đa 30    |

<sup>3</sup> Theo Điều 13 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại.

| Các tỷ lệ   | Giá trị             | Quy định  |
|---|---------------------|-----------|
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)                  | 78,01               | Tối đa 85 |
| Các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần (vi) | Nằm trong giới hạn. |           |

(v) Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được duy trì trên mức 11% tại mọi thời điểm trong năm.

(vi) Theo Điều 135 Luật Các TCTD, giới hạn cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD là  $\leq 5\%$  vốn tự có; đối với 01 (một) đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 nói trên là  $\leq 10\%$  vốn tự có; và đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 nói trên là  $\leq 15\%$  vốn tự có.

Tỷ lệ thực tế tại ngày 31/12/2024 đối với các chi tiêu trên của ACB lần lượt là 3,53%; 1,95%; và 1,95%. Tất cả đều tuân thủ giới hạn theo quy định của pháp luật.

## 2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác.

HĐQT nhận thấy:

- BDH đã thực thi tốt kế hoạch kinh doanh năm 2024: tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận tăng trưởng như kế hoạch, theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2019 – 2024.
- Hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ được củng cố và vận hành một cách hiệu quả.
- Mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh.
- Các giải pháp kinh doanh thường xuyên được cập nhật và điều chỉnh theo điều kiện của thị trường.
- Nguồn nhân lực được tuyển dụng, đào tạo, đáp ứng nhu cầu hoạt động.
- Hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an toàn trong vận hành và giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của BDH.

## IV. THỦ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT.

*(Nội dung này được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, phần Thuyết minh, mục 44 "Giao dịch với các bên liên quan.")*

## V. BÁO CÁO VỀ GIAO DỊCH GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN.

*(Nội dung này được trình bày tại Báo cáo quản trị công ty số 1024/CV-VPHĐQT.25 ngày 23/01/2025, đã được gửi đến cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của ACB tại đường dẫn <https://acb.com.vn/nha-dau-tu/bao-cao-quan-tri-acb>.)*

## VI. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025.


Trong bối cảnh Chính phủ đặt ra mục tiêu cho năm 2025 là tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, tổng sản phẩm nội địa (GDP) cả năm dự kiến đạt 8% trở lên và lạm phát bình quân khoảng 4,5-5%<sup>4</sup>, với triển vọng phục hồi của khu vực doanh nghiệp, HĐQT tin rằng ACB sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định về quy mô tổng tài sản và duy trì khả năng sinh lời.


HĐQT phê duyệt đề xuất của BDH, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2025 như sau:

|   | Chỉ tiêu hợp nhất                               | Ước đạt | Tốc độ tăng (So với năm 2024) |
|---|---|---------|-------------------------------|
| 1 | Tổng tài sản (tỷ đồng)                          | 984.967 | 14%                           |
| 2 | Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá (tỷ đồng) | 728.409 | 14%                           |
| 3 | Cho vay khách hàng (tỷ đồng)                    | 673.596 | 16% <sup>5</sup>              |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)             | 23.000  | 9,5%                          |
| 5 | Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5)                          | <2%     | -                             |

## VII. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2024 và các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2025.

Trân trọng. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH

  
Trần Hùng Huy

<sup>4</sup> Theo Nghị quyết số 192/2025/QH15 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

<sup>5</sup> Mức đề xuất tăng trưởng tín dụng dựa theo tình hình thị trường và tuân thủ hạn mức tín dụng do NHNN cấp theo Công văn số 10699/NHNN-CSTT ngày 30/12/2024 về tăng trưởng tín dụng năm 2025.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT<sup>6</sup>

Năm 2024, HĐQT ACB đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu tài chính tín dụng mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Kết quả là ACB đã thực hiện vượt kế hoạch ở 04 (bốn) chỉ tiêu (tổng tài sản, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá, cho vay khách hàng, và tỷ lệ nợ xấu). Đối với chỉ tiêu tổng lợi nhuận trước thuế, ACB hoàn thành 95% kế hoạch.

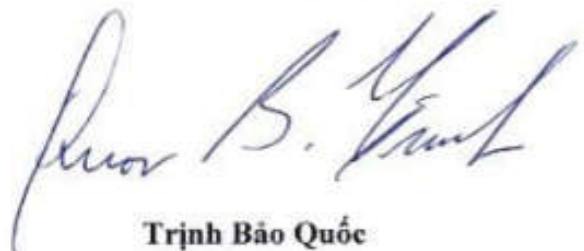
HĐQT đã ban hành 55 nghị quyết trong đó có 27 nghị quyết liên quan đến các vấn đề kinh doanh. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT thảo luận về các đề xuất và đặt câu hỏi thảo luận mang tính phân biện cao. Các phiên họp HĐQT cũng xem xét kỹ diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và tác động đến nền kinh tế, đến hoạt động của ngành ngân hàng nói chung và hoạt động của ACB nói riêng để có ứng xử và điều chỉnh phù hợp.

Nhiều chính sách, thủ tục và quy định liên quan đến quản lý rủi ro cũng được HĐQT chỉ đạo nghiên cứu xây dựng và cập nhật để tuân thủ yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phù hợp với điều kiện thị trường.

HĐQT cũng đã thảo luận và cho ý kiến về các vấn đề nêu tại báo cáo định kỳ của các ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, và Ủy ban Đầu tư) và báo cáo của Ban kiểm soát liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ.

**Kết luận:** HĐQT ACB trong năm 2024 đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo vai trò chỉ đạo và kiểm soát có hiệu quả đối với Ban điều hành.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Trịnh Bảo Quốc

<sup>6</sup> Theo quy định tại khoản 3 Điều 277 và khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**VỀ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHDCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát ngày 27/02/2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *luu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HDQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 27/02/2025.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA** *luu*



**Trần Hùng Huy**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2024 như sau:

### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

#### **1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:**

- Ban Kiểm soát có 05 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và thông báo HĐQT để biết.
- Ngoài ra Ban Kiểm soát còn tổ chức họp và trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, chỉ đạo kiểm toán nội bộ phục vụ cho mục đích giám sát, kiểm soát của Ban theo yêu cầu phát sinh.

#### **2. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:**

##### **a. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:**

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro,... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát được Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

##### **b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:**

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu hiệu quả, an toàn; nâng cao năng lực quản trị điều hành và tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; xử lý nợ theo Nghị quyết 42 của Quốc hội; tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13/2018TT-NHNN và các quy định Nhà nước; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn; hoàn thành

Basel III, thiết lập mô hình ba tuyến phòng thủ.

- Hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; chú trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới kinh doanh; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Cơ cấu nợ theo quy định Ngân hàng Nhà nước; Tiết kiệm chi phí điều hành, ...
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên, phối hợp các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát công tác triển khai thực hiện Luật Các tổ chức tín dụng 2024; (2) Giám sát việc thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát; ... liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (3) Giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, tích cực xử lý nợ xấu,...; (4) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; (5) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chỉ tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; (6) Giám sát hoạt động cấp tín dụng, chú trọng các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, cấp tín dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan có dư nợ lớn.

### c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2024 HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng trong quản trị và điều hành (bao gồm Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực từ 01/7/2024).
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, đạt tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Cơ cấu nợ cho các khách hàng theo quy định NHNN.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành thông qua hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro thuộc Ban điều hành. Hoàn thành các tiêu chuẩn về quản trị rủi ro theo Basel III.
- Triển khai biện pháp sinh trắc học đối với KH theo Quyết định số 2345/QĐ-NHNN, giúp tăng cường an toàn cho các giao dịch trực tuyến.
- Triển khai hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.



### **3. Hoạt động kiểm toán nội bộ:**

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.
- Trong năm 2024, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán hoạt động của 90 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán 16 chuyên đề liên quan các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng và các yêu cầu kiểm toán/ kiểm tra ngoài kế hoạch của Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng, ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.
- Các kiến nghị kiểm toán được các bên có liên quan tổ chức thực hiện.

### **4. Thẩm định Báo cáo tài chính:**

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024, Báo cáo tài chính cả năm 2024 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **5. Các công việc khác:**

- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban điều hành ban hành để tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng 2024, các Nghị định, Thông tư có liên quan.
- Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các hội nghị, các yêu cầu dự họp của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.
- Thực hiện cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát, Ngân hàng Nhà nước, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

### **6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát**

- Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và

thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 51, 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).

- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2024 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

## **II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:**

### **1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:**

#### *a. Nhận xét về báo cáo tài chính*

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

#### *b. Về tài sản và nguồn vốn*

**DVT: Triệu đồng**

| <b>TÀI SẢN</b>  | <b>SỐ TIỀN</b>     |
|---|--------------------|
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý                                    | 5.696.449          |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                      | 25.219.753         |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác                             | 117.932.259        |
| <i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>  | <i>(50.000)</i>    |
| Chứng khoán kinh doanh  | 4.029.088          |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>           | <i>(147.937)</i>   |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 55.992             |
| Cho vay khách hàng  | 580.686.248        |
| <i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>                 | <i>(6.739.556)</i> |

|  |                    |
|--|--------------------|
| Chứng khoán đầu tư   | 121.090.243        |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>            | -                  |
| Góp vốn đầu tư dài hạn                                     | 292.867            |
| <i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>                | (167.932)          |
| Tài sản cố định  | 5.412.370          |
| Bất động sản đầu tư  | 177.005            |
| Tài sản Có khác  | 10.518.854         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                   | <b>864.005.703</b> |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 |                    |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước               | 7.954.853          |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                              | 111.591.668        |
| Tiền gửi của khách hàng                                    | 537.304.578        |
| Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | -                  |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro      | 28.008             |
| Phát hành giấy tờ có giá                                   | 101.650.446        |
| Các khoản nợ khác  | 22.014.472         |
| Vốn và các quỹ   | 59.727.926         |
| <i>Trong đó: + Vốn điều lệ</i>                             | <i>44.666.579</i>  |
| <i>+ Thặng dư vốn cổ phần</i>                              | <i>271.779</i>     |
| <i>+ Cổ phiếu quỹ</i>                                      | <i>-</i>           |
| <i>+ Quỹ của Tổ chức tín dụng</i>                          | <i>14.789.568</i>  |
| Lợi nhuận chưa phân phối                                   | 23.733.752         |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>             | <b>864.005.703</b> |

*c. Về thu nhập và chi phí*

**ĐVT: Triệu đồng**

|                               |                   |
|-------------------------------|-------------------|
| <b>THU NHẬP (1)</b>           | <b>59.491.474</b> |
| Thu nhập từ lãi               | 50.902.749        |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 5.464.958         |
| Thu nhập từ hoạt động khác    | 1.266.132         |

|  |                   |
|--|-------------------|
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                 | 36.214            |
| Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.170.752         |
| Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 200.357           |
| Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 450.312           |
| <b>CHI PHÍ (2)</b>                               | <b>38.485.603</b> |
| Chi phí trả lãi                                  | 23.108.047        |
| Chi phí hoạt động dịch vụ                        | 2.226.173         |
| Chi phí hoạt động khác                           | 642.495           |
| Chi phí quản lý chung                            | 10.902.603        |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                 | 1.606.285         |
| <b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)</b>       | <b>21.005.871</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)             | 4.216.103         |
| <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)</b>              | <b>16.789.768</b> |

**2. Đánh giá tình hình thực hiện các NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên (2024)**

*a. Kết quả hoạt động kinh doanh theo NQ Đại hội đồng cổ đông*

**DVT: Tỷ đồng**

| Chỉ tiêu  | Kế hoạch<br>(theo NQ ĐHĐCĐ)                    | Thực hiện | Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch (%) |
|---|--|-----------|-------------------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>   | Tăng 12% so với 2023<br>(tương ứng 805.050 tỷ) | 864.006   | 107%                          |
| <b>Dư nợ</b>  | Tăng 14% so với 2023<br>(tương ứng 555.866 tỷ) | 580.686   | 104%                          |
| <b>Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá)</b> | Tăng 11% so với 2023<br>(tương ứng 593.779 tỷ) | 638.955   | 108%                          |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                 | 22.000   | 21.006    | 95%                           |
| <b>Hệ số An toàn vốn</b>                                    | >8%  | 11,82%    | -                             |
| <b>Tỷ lệ nợ xấu</b>   | <2%  | 1,49%     | -                             |

- Tổng tài sản: 864.006 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch.

- Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá): 638.955 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch, trong đó:
  - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (67,2%), tăng 45.460 tỷ đồng so với năm 2023.
  - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 16,9%, tăng 9.142 tỷ đồng so với năm 2023.
  - Phát hành giấy tờ có giá tăng 49.240 tỷ đồng so với năm 2023.
- Tổng dư nợ cho vay: 580.686 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 1,49% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 21.006 tỷ đồng, tăng 938 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2023, đạt 95% kế hoạch.

*b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông*

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023.
- Đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Đã thực hiện bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

**III. Kết quả giám sát danh mục dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị**

**1. Danh mục dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị**

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại khoản 5 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, Ban Kiểm soát tổ chức giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Kết quả giám sát ghi nhận:

*DVT: tỷ đồng*

|  | Kế hoạch ngân sách | Thực hiện (tính đến 31/12/2024) | % thực hiện/ ngân sách | Ghi chú                              |
|--|--------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------------------------|
| <b>1. Dự án đầu tư</b>   |                    |                                 |                        |                                      |
| <i>Không phát sinh</i>   |                    |                                 |                        |                                      |
| <b>2. Mua tài sản cố định</b>  |                    |                                 |                        |                                      |
| <i>a) Thuộc Quản trị hành chính</i>  | <i>1.451</i>       | <i>887</i>                      | <i>61%</i>             | NQ 3914/TCQB-HĐQT.23 ngày 14/12/2023 |
| - Mua bất động sản   | 500                | 143                             | 29%                    |                                      |
| - Mua xe công vụ, xe chuyên dụng   | 95                 | 89                              | 93%                    |                                      |
| - Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng trụ sở văn phòng làm việc, kênh phân phối | 822                | 636                             | 77%                    |                                      |

|   |        |                              |     |  |
|---|--------|------------------------------|-----|--|
| - Mua sắm máy móc thiết bị, hệ thống kỹ thuật | 34     | 19                           | 56% |  |
| <b>b) Thuộc Công nghệ thông tin</b>           |        |                              |     |  |
| Dự án, tài sản thuộc công nghệ thông tin      | 914    | 226                          | 25% | NQ 3914/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 14/12/2023     |
| <b>3. Bán tài sản cố định</b>                 |        |                              |     |  |
| Bán bất động sản                              |        | 148                          |     |  |
| <b>4. Hợp đồng, giao dịch khác</b>            |        |                              |     |  |
| <b>a) Phát hành trái phiếu</b>                |        |                              |     |  |
| Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1           | 15.000 | 13.840                       | 92% | NQ 1948/TCQĐ-HĐQT.24 ngày 16/5/2024      |
| Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 2           | 15.000 | 4.500                        | 30% | NQ 3146/TCQĐ-HĐQT.24 ngày 8/8/2024       |
| Phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 3           | 15.000 | 6.050                        | 40% | NQ 4299/TCQĐ-HĐQT.24 ngày 21/10/2024     |
| <b>b) Phê duyệt tín dụng</b>                  |        |                              |     |  |
| Công ty CP phim Thiên Ngân                    |        | 40                           |     | Công ty có liên quan của thành viên HĐQT |
| <b>c) Tăng vốn điều lệ công ty con</b>        |        |                              |     |  |
| Tăng vốn điều lệ ACBS                         | 3.000  | 3.000 (thực hiện 02/01/2025) | -   | NQ 4303/TCQĐ-HĐQT.24 ngày 21/10/2024     |

## 2. Kết quả giám sát việc thực hiện các danh mục theo kế hoạch ngân sách đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

- Kế hoạch ngân sách đầu tư tài sản cố định và hợp đồng/ giao dịch khác do Ban điều hành lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt bằng các nghị quyết.
- Căn cứ ngân sách đầu tư tài sản, giao dịch khác đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, quy trình thực hiện mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác tuân thủ Quyết định số 58/NVQĐ-QLCP.24 về Quy chế chi tiêu của Ngân hàng Á Châu, QP-7.4 về Thủ tục mua hàng và Quyết định số 40/NVQĐ-QTBCĐKT.24 về Quy định phát hành trái phiếu của Ngân hàng Á Châu.

- Ngân sách đầu tư tài sản thuộc Quản trị hành chính: thực hiện 887 tỷ đồng (đạt 61% kế hoạch). Nguyên nhân do giãn tiến độ thực hiện và thanh toán các công trình; một số công trình chuyển sang năm 2025 thực hiện.
- Ngân sách đầu tư tài sản thuộc Công nghệ thông tin: thực hiện 226 tỷ đồng (đạt 25% kế hoạch). Nguyên nhân do:
  - + Một số dự án xem xét lại tính khả thi, điều chỉnh quy mô, tính phù hợp của giải pháp, phạm vi thực hiện và hiệu quả dự án.
  - + Giá trị mua sắm thực tế đàm phán giảm so với giá trị kế hoạch.
- Giao dịch phát hành trái phiếu: phương án phát hành lần 3 được phê duyệt vì các điều khoản điều kiện trong phương án phát hành lần 2 không đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

#### **IV. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát**

Kinh phí hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

- + Thù lao Ban Kiểm soát : 10.438 triệu đồng.
- + Chi phí về hành chánh, quản lý khác: 1.444 triệu đồng.

Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

Thù lao và chi phí hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát theo Tờ trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**HUỲNH NGHĨA HIỆP**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ ngày 24/02/2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

#### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ ngày 24/02/2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *luy*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luy*  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

|   | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
|   |             | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |
| <b>A TÀI SẢN</b>  |             |                         |                         |
| I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý                                    | 4           | 5.696.444               | 6.909.295               |
| II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước                              | 5           | 25.219.461              | 18.504.709              |
| III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác               | 6           | 108.003.288             | 111.175.983             |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                        |             | 106.836.456             | 110.121.654             |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác                             |             | 1.216.832               | 1.104.329               |
| 3 Dự phòng rủi ro   | 6.3         | (50.000)                | (50.000)                |
| IV Chứng khoán kinh doanh                                       | 7           | 841.743                 | 5.879.766               |
| 1 Chứng khoán kinh doanh  | 7.1         | 841.743                 | 5.879.766               |
| V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 8           | 55.992                  | -                       |
| VI Cho vay khách hàng   | 9           | 563.147.530             | 476.062.518             |
| 1 Cho vay khách hàng  |             | 569.734.624             | 481.276.138             |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                            | 9.7         | (6.587.094)             | (5.213.620)             |
| VIII Chứng khoán đầu tư   | 10          | 121.090.243             | 73.463.347              |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                            |             | 108.918.477             | 44.903.768              |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                       |             | 12.171.766              | 28.559.579              |
| IX Góp vốn, đầu tư dài hạn                                      | 11          | 7.578.535               | 4.583.105               |
| 1 Đầu tư vào công ty con  | 11.2        | 7.505.000               | 4.505.000               |
| 4 Đầu tư dài hạn khác   | 11.3        | 241.467                 | 241.467                 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                              | 11.4        | (167.932)               | (163.362)               |
| X Tài sản cố định   | 12          | 5.326.341               | 4.680.080               |
| 1 Tài sản cố định hữu hình                                      | 12.1        | 3.162.095               | 3.251.505               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                    |             | 6.331.878               | 6.096.640               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                       |             | (3.169.783)             | (2.845.135)             |
| 3 Tài sản cố định vô hình                                       | 12.2        | 2.164.246               | 1.428.575               |
| a Nguyên giá tài sản cố định                                    |             | 2.870.302               | 2.035.730               |
| b Hao mòn tài sản cố định                                       |             | (706.056)               | (607.155)               |
| XII Tài sản Có khác   | 13          | 9.471.828               | 10.456.118              |
| 1 Các khoản phải thu  | 13.1        | 3.547.914               | 5.387.459               |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu                                   |             | 4.783.969               | 4.203.937               |
| 3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                   | 13.2        | 17.190                  | 33.535                  |
| 4 Tài sản Có khác   | 13.3        | 1.295.406               | 1.003.880               |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác    | 13.4        | (172.651)               | (172.693)               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>   |             | <b>846.431.405</b>      | <b>711.714.921</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
(tiếp theo)

|             | Thuyết minh  | Tại ngày                |                         |                    |
|-------------|--|-------------------------|-------------------------|--------------------|
|             |  | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |                    |
| <b>B</b>    | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |                         |                         |                    |
| <b>I</b>    | <b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>                      | <b>14</b>               | <b>7.954.853</b>        | <b>88</b>          |
| 1           | Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước                            |                         | 7.954.853               | 88                 |
| <b>II</b>   | <b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>                         | <b>15</b>               | <b>94.993.212</b>       | <b>84.315.730</b>  |
| 1           | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác                                   |                         | 91.621.806              | 80.745.540         |
| 2           | Vay các tổ chức tín dụng khác  |                         | 3.371.406               | 3.570.190          |
| <b>III</b>  | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>   | <b>16</b>               | <b>539.139.747</b>      | <b>483.649.253</b> |
| <b>IV</b>   | <b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>    | <b>8</b>                | <b>-</b>                | <b>117.126</b>     |
| <b>V</b>    | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b> | <b>17</b>               | <b>28.008</b>           | <b>41.534</b>      |
| <b>VI</b>   | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>  | <b>18</b>               | <b>101.648.155</b>      | <b>52.392.403</b>  |
| <b>VII</b>  | <b>Các khoản nợ khác</b>   |                         | <b>21.614.533</b>       | <b>21.947.038</b>  |
| 1           | Các khoản lãi, phí phải trả  |                         | 7.023.331               | 7.666.244          |
| 3           | Các khoản phải trả và công nợ khác                                       | 19                      | 14.591.202              | 14.280.794         |
|             | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>  |                         | <b>765.378.508</b>      | <b>642.463.172</b> |
| <b>VIII</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>  | <b>20</b>               | <b>81.052.897</b>       | <b>69.251.749</b>  |
| 1           | Vốn của tổ chức tín dụng   |                         | 44.938.358              | 39.112.283         |
| a           | Vốn điều lệ  |                         | 44.666.579              | 38.840.504         |
| c           | Thặng dư vốn cổ phần   |                         | 271.779                 | 271.779            |
| 2           | Quỹ của tổ chức tín dụng   |                         | 14.336.576              | 11.119.536         |
| 5           | Lợi nhuận chưa phân phối   |                         | 21.777.963              | 19.019.930         |
| a           | Lợi nhuận năm nay  |                         | 12.868.159              | 13.193.492         |
| b           | Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước                                      |                         | 8.909.804               | 5.826.438          |
|             | <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>   |                         | <b>81.052.897</b>       | <b>69.251.749</b>  |
|             | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                |                         | <b>846.431.405</b>      | <b>711.714.921</b> |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

|   | Thuyết minh                               | Tại ngày                |                         |             |
|---|---|-------------------------|-------------------------|-------------|
|   |   | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |             |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn                          | 37.1                    | 54.784                  | 42.766      |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái                | 37.1                    | 195.824.188             | 134.953.935 |
|   | <i>Cam kết mua ngoại tệ</i>               |                         | 1.671.699               | 1.527.131   |
|   | <i>Cam kết bán ngoại tệ</i>               |                         | 1.865.951               | 704.551     |
|   | <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>         |                         | 192.286.538             | 132.722.253 |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C               | 37.1                    | 3.519.014               | 2.183.846   |
| 5 | Bảo lãnh khác                             | 37.1                    | 15.330.856              | 11.922.874  |
| 6 | Các cam kết khác                          | 37.1                    | 28.349.409              | 14.410.228  |
| 7 | Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 38                      | 1.729.633               | 1.204.623   |
| 8 | Nợ khó đòi đã xử lý                       | 39                      | 6.687.997               | 7.284.513   |
| 9 | Tài sản và chứng từ khác                  | 40                      | 638.473                 | 757.357     |



\_\_\_\_\_  
Phương Thế An  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Dương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



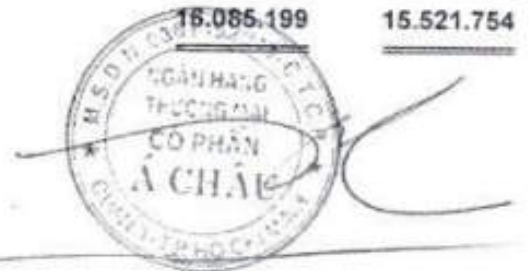
\_\_\_\_\_  
Tư Tiên Phát  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

|  | Thuyết minh | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự  | 21          | 49.688.521            | 51.763.519            |
| 2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự  | 22          | (22.746.651)          | (27.353.221)          |
| <b>I Thu nhập lãi thuần</b>  |             | <b>26.941.870</b>     | <b>24.410.298</b>     |
| 3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ  | 23          | 5.075.921             | 4.615.554             |
| 4 Chi phí hoạt động dịch vụ  | 24          | (2.099.078)           | (1.930.477)           |
| <b>II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>   |             | <b>2.976.843</b>      | <b>2.685.077</b>      |
| <b>III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                   | <b>25</b>   | <b>1.169.955</b>      | <b>1.109.601</b>      |
| <b>IV (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                               | <b>26</b>   | <b>(11.863)</b>       | <b>15.499</b>         |
| <b>V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>   | <b>27</b>   | <b>450.312</b>        | <b>2.647.140</b>      |
| 5 Thu nhập từ hoạt động khác   |             | 1.165.261             | 1.069.406             |
| 6 Chi phí hoạt động khác   |             | (459.987)             | (268.748)             |
| <b>VI Lãi thuần từ hoạt động khác</b>  | <b>28</b>   | <b>705.274</b>        | <b>800.658</b>        |
| <b>VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>  | <b>29</b>   | <b>14.492</b>         | <b>63.720</b>         |
| <b>VIII Chi phí hoạt động</b>  | <b>30</b>   | <b>(10.528.840)</b>   | <b>(10.514.870)</b>   |
| <b>IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>21.718.043</b>     | <b>21.217.123</b>     |
| <b>X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>  | <b>31</b>   | <b>(1.599.079)</b>    | <b>(1.783.020)</b>    |
| <b>XI Tổng lợi nhuận trước thuế</b>  |             | <b>20.118.964</b>     | <b>19.434.103</b>     |
| 7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 32.1        | (4.017.420)           | (3.881.918)           |
| 8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 32.2        | (16.345)              | (30.431)              |
| <b>XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>  | <b>32</b>   | <b>(4.033.765)</b>    | <b>(3.912.349)</b>    |
| <b>XIII Lợi nhuận sau thuế</b>   |             | <b>16.085.199</b>     | <b>15.521.754</b>     |

Phương Thế An  
Người lập

Dương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



Từ Tiên Phát  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

|   | Thuyết minh  | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|---|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |                       |                       |
| 01  | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được  | 49.108.489            | 51.620.959            |
| 02  | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả   | (23.366.957)          | (25.142.880)          |
| 03  | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được  | 2.410.176             | 2.120.506             |
| 04  | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 1.608.404             | 3.772.240             |
| 05  | Chi phí khác   | (74.034)              | (73.263)              |
| 06  | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro                              | 732.524               | 872.746               |
| 07  | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý  | (10.366.159)          | (10.251.221)          |
| 08  | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm   | (3.941.421)           | (3.930.009)           |
|   |  | <hr/>                 | <hr/>                 |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG</b> |  | <b>16.111.022</b>     | <b>18.989.078</b>     |
| <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>  |  |                       |                       |
| 09  | (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác                            | (112.503)             | 3.323.622             |
| 10  | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán   | (41.824.763)          | (2.928.370)           |
| 11  | (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                      | (55.992)              | 100.072               |
| 12  | Tăng các khoản cho vay khách hàng  | (88.458.485)          | (71.122.820)          |
| 13  | Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản                          | (224.804)             | (1.280.830)           |
| 14  | Giảm khác về tài sản hoạt động   | 1.110.439             | 7.061                 |
| <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>  |  |                       |                       |
| 15  | Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước                                       | 7.954.765             | (505.788)             |
| 16  | Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác                                       | 10.677.482            | 16.996.899            |
| 17  | Tăng tiền gửi của khách hàng   | 55.490.494            | 67.895.066            |
| 18  | Tăng phát hành giấy tờ có giá  | 49.233.145            | 8.099.170             |
| 19  | Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro                      | (13.526)              | (18.654)              |
| 20  | (Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác                     | (117.126)             | 117.126               |
| 21  | Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động  | 825.822               | (1.836.978)           |
| 22  | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng  | (1.249)               | (1.500)               |
|   |  | <hr/>                 | <hr/>                 |
| <b>I</b>  | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   | <b>10.594.721</b>     | <b>37.833.154</b>     |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(tiếp theo)

|   | Thuyết minh   | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|---|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |   |                       |                       |
| 01  | Mua sắm tài sản cố định   | (890.087)             | (1.243.832)           |
| 02  | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                            | 147.843               | 3.618                 |
| 07  | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                | (3.000.000)           | (1.000.000)           |
| 09  | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 12.387                | 126.169               |
| <b>II</b>                                     | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                            | <b>(3.729.857)</b>    | <b>(2.114.045)</b>    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |   |                       |                       |
| 04  | Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia                                   | (3.884.051)           | (3.377.435)           |
| <b>III</b>                                    | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                         | <b>(3.884.051)</b>    | <b>(3.377.435)</b>    |
| <b>IV</b>                                     | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM</b>                                      | <b>2.980.813</b>      | <b>32.341.674</b>     |
| <b>V</b>                                      | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>             | <b>135.771.548</b>    | <b>103.429.874</b>    |
| <b>VII</b>                                    | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>            | <b>33 138.752.361</b> | <b>135.771.548</b>    |



Phương Thế An  
Người lập



Dương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



Từ Tiên Phát  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

|  | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
|  |             | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |
| <b>A TÀI SẢN</b>   |             |                         |                         |
| <b>I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>                                    | <b>4</b>    | <b>5.696.449</b>        | <b>6.909.300</b>        |
| <b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>                              | <b>5</b>    | <b>25.219.753</b>       | <b>18.504.814</b>       |
| <b>III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>               | <b>6</b>    | <b>117.882.259</b>      | <b>114.873.931</b>      |
| 1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                               |             | 117.781.280             | 114.644.002             |
| 2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác                                    |             | 150.979                 | 279.929                 |
| 3 Dự phòng rủi ro  | 6.3         | (50.000)                | (50.000)                |
| <b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>                                       | <b>7</b>    | <b>3.881.151</b>        | <b>7.177.069</b>        |
| 1 Chứng khoán kinh doanh   |             | 4.029.088               | 7.323.489               |
| 2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh                               | 7.4         | (147.937)               | (146.420)               |
| <b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b> | <b>8</b>    | <b>55.992</b>           | <b>-</b>                |
| <b>VI Cho vay khách hàng</b>   | <b>9</b>    | <b>573.946.692</b>      | <b>482.234.900</b>      |
| 1 Cho vay khách hàng   |             | 580.686.248             | 487.601.852             |
| 2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                                   | 9.7         | (6.739.556)             | (5.366.952)             |
| <b>VIII Chứng khoán đầu tư</b>   | <b>10</b>   | <b>121.090.243</b>      | <b>73.463.347</b>       |
| 1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                                   | 10.1        | 108.918.477             | 44.903.768              |
| 2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                              | 10.1        | 12.171.766              | 28.559.579              |
| <b>IX Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                                      | <b>11</b>   | <b>124.935</b>          | <b>140.025</b>          |
| 4 Đầu tư dài hạn khác  | 11.2        | 292.867                 | 303.387                 |
| 5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                                     | 11.3        | (167.932)               | (163.362)               |
| <b>X Tài sản cố định</b>   | <b>12</b>   | <b>5.412.370</b>        | <b>4.762.561</b>        |
| 1 Tài sản cố định hữu hình   | 12.1        | 3.222.198               | 3.317.568               |
| a Nguyên giá tài sản cố định   |             | 6.504.276               | 6.256.911               |
| b Hao mòn tài sản cố định  |             | (3.282.078)             | (2.939.343)             |
| 3 Tài sản cố định vô hình  | 12.2        | 2.190.172               | 1.444.993               |
| a Nguyên giá tài sản cố định   |             | 2.950.265               | 2.101.677               |
| b Hao mòn tài sản cố định  |             | (760.093)               | (656.684)               |
| <b>XI Bất động sản đầu tư</b>  | <b>13</b>   | <b>177.005</b>          | <b>177.005</b>          |
| a Nguyên giá bất động sản đầu tư                                       |             | 177.005                 | 177.005                 |
| b Hao mòn bất động sản đầu tư  |             | -                       | -                       |
| <b>XII Tài sản Có khác</b>   | <b>14</b>   | <b>10.518.854</b>       | <b>10.551.637</b>       |
| 1 Các khoản phải thu   | 14.1        | 4.299.649               | 5.316.951               |
| 2 Các khoản lãi, phí phải thu  |             | 4.954.367               | 4.282.669               |
| 3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                          | 14.2        | 17.318                  | 33.722                  |
| 4 Tài sản Có khác  | 14.3        | 1.425.899               | 1.117.080               |
| 5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác           | 14.4        | (178.379)               | (198.785)               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>  |             | <b>864.005.703</b>      | <b>718.794.589</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 99 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

|  | Thuyết minh | Tại ngày                |                         |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
|  |             | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |
| <b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     |             |                         |                         |
| <b>I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>                      | <b>15</b>   | <b>7.954.853</b>        | <b>88</b>               |
| 1 Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước                            |             | 7.954.853               | 88                      |
| <b>II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>                        | <b>16</b>   | <b>111.591.668</b>      | <b>89.506.662</b>       |
| 1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác                                   |             | 91.573.962              | 80.719.473              |
| 2 Vay các tổ chức tín dụng khác  |             | 20.017.706              | 8.787.189               |
| <b>III Tiền gửi của khách hàng</b>   | <b>17</b>   | <b>537.304.578</b>      | <b>482.702.731</b>      |
| <b>IV Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>   | <b>8</b>    | <b>-</b>                | <b>117.126</b>          |
| <b>V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b> | <b>18</b>   | <b>28.008</b>           | <b>41.534</b>           |
| <b>VI Phát hành giấy tờ có giá</b>   | <b>19</b>   | <b>101.650.446</b>      | <b>52.410.014</b>       |
| <b>VII Các khoản nợ khác</b>   |             | <b>22.014.472</b>       | <b>23.060.473</b>       |
| 1 Các khoản lãi, phí phải trả  |             | 7.045.361               | 7.682.185               |
| 3 Các khoản phải trả và công nợ khác                                       | 20          | 14.969.111              | 15.378.288              |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>  |             | <b>780.544.025</b>      | <b>647.838.628</b>      |
| <b>VIII Vốn chủ sở hữu</b>   | <b>21</b>   | <b>83.461.678</b>       | <b>70.955.961</b>       |
| 1 Vốn của tổ chức tín dụng   |             | 44.938.358              | 39.112.283              |
| a Vốn điều lệ  |             | 44.666.579              | 38.840.504              |
| c Thặng dư vốn cổ phần   |             | 271.779                 | 271.779                 |
| 2 Quỹ của tổ chức tín dụng   |             | 14.789.568              | 11.557.435              |
| 5 Lợi nhuận chưa phân phối   |             | 23.733.752              | 20.286.243              |
| a Lợi nhuận năm nay  |             | 13.557.635              | 13.707.404              |
| b Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước                                      |             | 10.176.117              | 6.578.839               |
| <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>   |             | <b>83.461.678</b>       | <b>70.955.961</b>       |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                  |             | <b>864.005.703</b>      | <b>718.794.589</b>      |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 99 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

|   | Thuyết minh                               | Tại ngày                |                         |             |
|---|---|-------------------------|-------------------------|-------------|
|   |   | 31.12.2024<br>Triệu VND | 31.12.2023<br>Triệu VND |             |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn                          | 39.1                    | 54.784                  | 42.766      |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái                | 39.1                    | 195.824.188             | 134.953.935 |
|   | <i>Cam kết mua ngoại tệ</i>               |                         | 1.671.699               | 1.527.131   |
|   | <i>Cam kết bán ngoại tệ</i>               |                         | 1.865.951               | 704.551     |
|   | <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>         |                         | 192.286.538             | 132.722.253 |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C               | 39.1                    | 3.519.014               | 2.183.846   |
| 5 | Bảo lãnh khác                             | 39.1                    | 15.330.856              | 11.922.874  |
| 6 | Các cam kết khác                          | 39.1                    | 28.349.409              | 14.410.228  |
| 7 | Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 40                      | 1.733.456               | 1.207.526   |
| 8 | Nợ khó đòi đã xử lý                       | 41                      | 6.783.880               | 7.378.302   |
| 9 | Tài sản và chứng từ khác                  | 42                      | 885.974                 | 1.004.858   |

\_\_\_\_\_  
Phương Thê An  
Người lập

\_\_\_\_\_  
Dương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng





\_\_\_\_\_  
Từ Tiên Phát  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 99 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

|             |   | Thuyết minh | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|-------------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1           | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự   | 22          | 50.902.749            | 52.346.796            |
| 2           | Chi phí lãi và các chi phí tương tự   | 23          | (23.108.047)          | (27.387.226)          |
| <b>I</b>    | <b>Thu nhập lãi thuần</b>   |             | <b>27.794.702</b>     | <b>24.959.570</b>     |
| 3           | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ   | 24          | 5.464.958             | 4.945.751             |
| 4           | Chi phí hoạt động dịch vụ   | 25          | (2.226.173)           | (2.023.414)           |
| <b>II</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>   |             | <b>3.238.785</b>      | <b>2.922.337</b>      |
| <b>III</b>  | <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                    | <b>26</b>   | <b>1.170.752</b>      | <b>1.110.105</b>      |
| <b>IV</b>   | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                                    | <b>27</b>   | <b>200.357</b>        | <b>168.383</b>        |
| <b>V</b>    | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>  | <b>28</b>   | <b>450.312</b>        | <b>2.647.140</b>      |
| 5           | Thu nhập từ hoạt động khác  |             | 1.266.132             | 1.197.217             |
| 6           | Chi phí hoạt động khác  |             | (642.495)             | (333.846)             |
| <b>VI</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>  | <b>29</b>   | <b>623.637</b>        | <b>863.371</b>        |
| <b>VII</b>  | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>   | <b>30</b>   | <b>36.214</b>         | <b>75.610</b>         |
| <b>VIII</b> | <b>Chi phí hoạt động</b>  | <b>31</b>   | <b>(10.902.603)</b>   | <b>(10.874.286)</b>   |
| <b>IX</b>   | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>22.612.156</b>     | <b>21.872.230</b>     |
| <b>X</b>    | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>   | <b>32</b>   | <b>(1.606.285)</b>    | <b>(1.804.231)</b>    |
| <b>XI</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>  |             | <b>21.005.871</b>     | <b>20.067.999</b>     |
| 7           | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | 33.1        | (4.199.699)           | (3.993.022)           |
| 8           | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | 33.2        | (16.404)              | (30.244)              |
| <b>XII</b>  | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>33</b>   | <b>(4.216.103)</b>    | <b>(4.023.266)</b>    |
| <b>XIII</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   |             | <b>16.789.768</b>     | <b>16.044.733</b>     |
| <b>XV</b>   | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>  | <b>34</b>   | <b>3.669</b>          | <b>3.559</b>          |

  
 Phương Thế An  
 Người lập

  
 Dương Thị Nguyệt  
 Kế toán trưởng

  
 Từ Tiên Phát  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 99 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

|   | Thuyết minh   | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|---|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |   |                       |                       |
| 01  | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được   | 50.231.051            | 52.153.677            |
| 02  | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả  | (23.737.584)          | (25.262.835)          |
| 03  | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được   | 2.672.118             | 2.357.768             |
| 04  | Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | 1.822.938             | 3.882.434             |
| 05  | Chi phí khác  | (164.089)             | (18.340)              |
| 06  | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro                               | 740.938               | 880.179               |
| 07  | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý   | (10.747.138)          | (10.567.861)          |
| 08  | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm  | (4.108.348)           | (4.003.037)           |
|   |   | <hr/>                 | <hr/>                 |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG</b> |   | <b>16.709.886</b>     | <b>19.421.985</b>     |
| <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>  |   |                       |                       |
| 09  | (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác                             | (5.521.656)           | 127.308               |
| 10  | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán  | (43.561.371)          | (3.695.212)           |
| 11  | (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                       | (55.992)              | 100.072               |
| 12  | Tăng các khoản cho vay khách hàng   | (93.084.396)          | (73.896.868)          |
| 13  | Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản                           | (232.880)             | (1.287.015)           |
| 14  | Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động   | 271.010               | (50.243)              |
| <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>  |   |                       |                       |
| 15  | Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước  | 7.954.765             | (505.788)             |
| 16  | Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác  | 22.085.006            | 21.665.822            |
| 17  | Tăng tiền gửi của khách hàng  | 54.601.847            | 68.749.941            |
| 18  | Tăng phát hành giấy tờ có giá   | 49.233.145            | 8.099.170             |
| 19  | Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro                       | (13.526)              | (18.654)              |
| 20  | (Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác                      | (117.126)             | 117.126               |
| 21  | Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động   | 102.768               | (1.689.943)           |
| 22  | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng   | (1.249)               | (1.500)               |
|   |   | <hr/>                 | <hr/>                 |
| <b>I</b>  | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  | <b>8.370.231</b>      | <b>37.136.201</b>     |

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 99 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(tiếp theo)

|   | Thuyết minh   | Năm 2024<br>Triệu VND | Năm 2023<br>Triệu VND |
|---|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |   |                       |                       |
| 01  | Mua sắm tài sản cố định   | (919.740)             | (1.276.249)           |
| 02  | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                            | 147.865               | 4.038                 |
| 08  | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                | 3.507                 | -                     |
| 09  | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 35.058                | 74.955                |
| <b>II</b>                                     | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                            | <b>(733.310)</b>      | <b>(1.197.256)</b>    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |   |                       |                       |
| 04  | Cổ tức đã trả cho các cổ đông, lợi nhuận đã chia                            | (3.884.051)           | (3.377.435)           |
| <b>III</b>                                    | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                         | <b>(3.884.051)</b>    | <b>(3.377.435)</b>    |
| <b>IV</b>                                     | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM</b>                                      | <b>3.752.870</b>      | <b>32.561.510</b>     |
| <b>V</b>                                      | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>             | <b>136.071.738</b>    | <b>103.510.228</b>    |
| <b>VII</b>                                    | <b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>            | <b>35 139.824.608</b> | <b>136.071.738</b>    |



Phương Thế An  
Người lập



Dương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

| STT | Nội dung  | Số tiền (VND)      |
|-----|---|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2024      | 21.005.870.964.347 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 4.216.103.263.510  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                            | 16.789.767.700.837 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                  | 16.085.198.040.176 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                        | 3.332.133.327.144  |
| 4a  | Quỹ DTBSVĐL của ACB (3a x 10%)                      | 1.608.519.804.018  |
| 4b  | Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)           | 1.608.519.804.018  |
| 4c  | Quỹ của các công ty con                             | 15.093.719.108     |
| 4d  | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                    | 100.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2024 sau khi trích lập các quỹ (3-4)      | 13.457.634.373.693 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia               | 10.176.117.898.366 |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2024 (5+6) | 23.633.752.272.059 |

| STT | Nội dung   | Số tiền (VND)      |
|-----|--|--------------------|
| 8   | Vốn điều lệ ACB  | 44.666.579.120.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                         | 4.466.657.912      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2024            | 4.466.657.912      |
| 11  | Chia cổ tức năm 2024 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%) | 11.166.644.782.000 |
| 12  | Lợi nhuận còn lại (7-11)                               | 12.467.107.490.059 |

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025:

| STT | Nội dung   | Số tiền (VND)      |
|-----|--|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2025             | 23.000.000.000.000 |
| 2   | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | 4.600.000.000.000  |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                                   | 18.400.000.000.000 |
| 3a  | Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)                         | 17.149.600.000.000 |
| 4   | Trích lập các quỹ, trong đó:                               | 3.780.000.000.000  |
|     | Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB                           | 100.000.000.000    |
| 5   | Lợi nhuận 2025 sau khi trích lập các quỹ (3-4)             | 14.620.000.000.000 |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia                      | 12.467.107.490.059 |
| 7   | Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2025 (5+6)        | 27.087.107.490.059 |
| 8   | Vốn điều lệ ACB  | 44.666.579.120.000 |
| 9   | Số lượng cổ phiếu đã phát hành                             | 4.466.657.912      |
| 10  | Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2024 (15%) | 669.998.687        |
| 11  | Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2025 (9+10)         | 5.136.656.599      |
| 12  | Chia cổ tức năm 2025 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)     | 12.841.641.499.000 |
| 13  | Lợi nhuận còn lại (7-12)                                   | 14.245.465.991.059 |

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 và Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Tăng mức vốn điều lệ từ 44.666.579.120.000 đồng lên 51.366.565.990.000 đồng (tăng thêm 6.699.986.870.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:
  - 2.1 Mục đích phát hành:  
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực tài chính, và thích ứng với những biến động của thị trường.
  - 2.2 Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mức vốn điều lệ hiện tại: 44.666.579.120.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là là lợi nhuận lũy kế chưa phân phối hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ của các công ty con, và quỹ khen thưởng phúc lợi (100.000.000.000 đồng) theo Nghị quyết số 1898 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08/4/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025: 23.633.752.272.059 đồng. Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 6.699.986.870.000 đồng.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 669.998.687 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 6.699.986.870.000 đồng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 5.136.656.599 cổ phiếu.
- Mức vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 51.366.565.990.000 đồng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2025.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2024.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
- Danh sách cổ đông (tại thời điểm 31/3/2025):



- a. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Không có.
- b. Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Không có.
- Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:
  - a. Thời điểm hiện tại (tính đến ngày 31/3/2025):
    - Số cổ phần sở hữu: 1.339.997.373 cổ phần
    - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 30,00%.
  - b. Sau khi tăng vốn:
    - Số cổ phần sở hữu: 1.540.996.978 cổ phần
    - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 30,00%.
- 3. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- 4. Niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 44.666.579.120.000 đồng lên 51.366.565.990.000 đồng.

**Điều 3.** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc tăng mức vốn điều lệ như sau:

- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. / *ph - m*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Tờ trình ngày 27/02/2025 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *Luat*  
CHỦ TỌA



**Trần Hùng Huy**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

## TỜ TRÌNH

**Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm**

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 và Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2024 bằng cổ phần phổ thông; phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

### 1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU.

#### 1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ.

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối; đầu tư vào các dự án chiến lược của Ngân hàng;
- Nâng cao năng lực tài chính, thích ứng với những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB.

#### 1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu.

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2024 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- |   |                         |
|---|-------------------------|
| a. <u>Vốn điều lệ hiện tại:</u>             | 44.666.579.120.000 đồng |
| Trong đó,                                   |                         |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: | 4.466.657.912 cổ phiếu  |

- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có
  - Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có
  - Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có
  - Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2024: 4.466.657.912 cổ phiếu
- b. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2024 được xác định theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG (Việt Nam):
- Số liệu hợp nhất (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và quỹ của các công ty con) trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024: 23.733.752.272.059 đồng
  - Số liệu riêng (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính) trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024: 21.777.963.335.875 đồng
- c. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: là lợi nhuận lũy kế chưa phân phối hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ của các công ty con, và quỹ khen thưởng phúc lợi (100.000.000.000 đồng) theo Nghị quyết số ...../TCQĐ-DHĐCĐ.25 ngày 08/4/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2025:
- Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 6.699.986.870.000 đồng
- d. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
- Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 6.699.986.870.000 đồng
  - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
  - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 669.998.687 cổ phiếu
- e. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 5.136.656.599 cổ phiếu
  - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 51.366.565.990.000 đồng
- f. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2025
- g. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận năm 2024 có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia.
- h. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- i. Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

- j. **Phương thức thực hiện và phát hành:** Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- k. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là  $(95 * 0,15) = 14,25$  cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 14 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,25 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

### 1.3. Danh sách cổ đông (tại thời điểm 14/02/2025)<sup>1</sup>.

- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Không có.
- Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Không có.

### 1.4. Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn<sup>2</sup>:

- a. Thời điểm hiện tại (tính đến ngày 14/02/2025):
- Số cổ phần sở hữu: 1.339.970.591 cổ phần
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 30,00%
- b. Sau khi tăng vốn:
- Số cổ phần sở hữu: 1.540.966.179 cổ phần
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 30,00%

## 2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM.

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.


<sup>1</sup> Thông tin này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

<sup>2</sup> Thông tin này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

### 3. KIẾN NGHỊ.

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH

  
Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQD-DHDCD.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQD-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025.

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2025 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2025.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### VỀ VIỆC LỰA CHỌN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH 2025

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

#### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) thực hiện kiểm toán Ngân hàng TMCP Á Châu và các công ty con cho năm tài chính 2025.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA *[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*  
Trần Hùng Huy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025.

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và ban hành kèm theo Nghị quyết này Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

## PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1902/TCQĐ-DHĐCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025  
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

### CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

##### 1. Các từ viết tắt

- *DHĐCĐ*: Đại hội đồng cổ đông;
- *HDQT*: Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu;
- *NHNN*: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- *Ngân hàng/ACB*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu;
- *Phương án khắc phục*: Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- *TCTD*: Tổ chức tín dụng.

##### 2. Giải thích từ ngữ

- a. *Can thiệp sớm* là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với TCTD và yêu cầu TCTD đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 trong Phương án khắc phục này;
- b. *Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh và cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ gồm nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
- c. *Rút tiền hàng loạt* là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN;
- d. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần của TCTD là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng.

#### Điều 2. Mục đích

Phương án khắc phục được xây dựng nhằm xác định các hành động cần thực hiện, tuy nhiên cho phép linh hoạt trong điều kiện cụ thể để ACB có thể phản ứng kịp thời với những tình huống khác nhau trong trường hợp được can thiệp sớm.

#### Điều 3. Phạm vi áp dụng

Phương án khắc phục áp dụng cho ACB (không bao gồm các công ty con).

### CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Các trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm

NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi ACB thuộc một hoặc một số trường hợp sau:

1. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN từng thời kỳ;
2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;
3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc NHNN từng thời kỳ trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

## **Điều 5. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm**

Phương án khắc phục gồm các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh**

Các nội dung chính của phần này dự kiến sẽ bao gồm các thông tin sau đây:

- Chiến lược kinh doanh.
- Mô hình kinh doanh hiện tại, gồm xác định các mảng kinh doanh, thị trường, sản phẩm chính.
- Những thay đổi trong kế hoạch kinh doanh ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh hiện tại, gồm cả những thay đổi vận hành hoặc công tác quản trị.

Tại thời điểm Phương án khắc phục này được thông qua, ACB tự đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh như sau:

- Chiến lược kinh doanh theo định hướng tăng trưởng bền vững, an toàn và hiệu quả.
- Mô hình kinh doanh tập trung vào hoạt động ngân hàng bán lẻ với khả năng sinh lời cao và đảm bảo chất lượng tài sản tốt. Cụ thể, cuối năm 2024, huy động tiền gửi chiếm 70% tổng nợ phải trả; về sử dụng vốn, ACB tập trung ở cho vay khách hàng, gửi liên ngân hàng và đầu tư trái phiếu Chính phủ – lần lượt chiếm 67%, 13% và 5% tổng tài sản.
- ACB tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, cải thiện tỷ trọng thu nhập từ phí trên doanh thu, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết ESG với mục tiêu tăng trưởng tài chính bền vững.

### **2. Thực trạng tài chính và hoạt động**

Các nội dung chính của phần này dự kiến sẽ bao gồm các thông tin sau đây:

- Đánh giá về tình hình cấp tín dụng, chất lượng tài sản, huy động vốn, hoạt động thanh toán và kết quả kinh doanh.
- Đánh giá hoạt động cấp tín dụng đối với các lĩnh vực có rủi ro cao.
- Dự phóng các chỉ tiêu tài chính quan trọng.
- Mô tả kế hoạch huy động vốn, bao gồm các nguồn huy động và kỳ hạn.
- Đề xuất những hành động nhằm đảm bảo khả năng huy động vốn.

Tại thời điểm Phương án khắc phục này được thông qua, ACB tự đánh giá về thực trạng tài chính và hoạt động như sau:

- Lợi nhuận năm 2024 đạt 20 ngàn tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế trong 5 năm qua đạt tốc độ tăng trưởng bình quân cao khoảng 22%.
- Tỷ lệ an toàn vốn ở mức 11.7% so với quy định tối thiểu 8% của NHNN.
- Ngoài ra, ACB tuân thủ chặt chẽ các quy định và hạn mức an toàn của NHNN. Về quản lý rủi ro thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả của ACB duy trì khá cao so với quy định của NHNN. Cuối năm 2024, tỷ lệ dự phòng thanh khoản ở mức 14.9% (quy định NHNN tối thiểu 10%); ngoài ra tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND ở mức 62% và đối với USD ở mức 198% so với quy định NHNN tối thiểu lần lượt ở mức 50% và 10%.
- ACB tiếp tục là một trong các ngân hàng cổ phần có tỷ lệ ROE cao nhất trên thị trường. Đồng thời, ACB duy trì chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1.5% – một trong những tỷ lệ thấp nhất ngành. Sự kết hợp giữa tỷ suất sinh lời cao và tỷ lệ nợ xấu thấp phản ánh chiến lược phát triển dài hạn và nền tảng vững chắc của Ngân hàng.
- Cuối năm 2023, ACB đạt xếp hạng A theo quy định của Thống đốc NHNN và dự kiến duy trì xếp hạng này trong năm 2024.

**3. Những biện pháp triển khai nhằm khắc phục các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 như:**

- 3.1. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ; và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu:
  - Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
  - Kiểm soát chất lượng tín dụng, giảm nợ xấu, nâng cao chất lượng tài sản; tăng cường kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn, khả năng trả nợ của khách hàng.
  - Tăng vốn điều lệ trong khoảng thời gian cụ thể và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật Các TCTD.
- 3.2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN:
  - Nâng cao năng lực quản trị và điều hành.
  - Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật; trong đó tập trung thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu.
- 3.3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục:
  - Cải thiện khả năng thanh khoản và tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao như tiền gửi tại NHNN, tiền gửi qua đêm tại các TCTD khác và trái phiếu Chính phủ.
  - Cải thiện dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo.
- 3.4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 06 tháng liên tục:
  - Cải thiện vốn tự có, bao gồm cả vốn cấp II.
  - Cải thiện các loại tài sản Có rủi ro.
- 3.5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN:
  - 3.5.1. Biện pháp truyền thông, công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản.
    - Công tác truyền thông:

- Truyền thông bên ngoài nhằm củng cố lòng tin khách hàng, các ngân hàng đại lý và đối tác; trong đó tăng cường công tác truyền thông tại các điểm giao dịch, trên website ACB, những kênh mạng xã hội của ACB và các phương tiện thông tin đại chúng.
  - Truyền thông nội bộ như hướng dẫn trả lời các câu hỏi của khách hàng về Ngân hàng, gửi thư để khuyến khích tinh thần đoàn kết trong toàn thể nhân sự; đồng thời phổ biến hình ảnh, mục tiêu, kế hoạch của ACB.
  - Kiểm soát chặt chẽ các thông tin gây bất lợi ảnh hưởng đến danh tiếng của ACB.
- Công tác công nghệ thông tin:
- Đảm bảo hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin ổn định, thực hiện sao lưu dữ liệu, kiểm tra các hệ thống/thiết bị/đường truyền dự phòng, tăng cường giám sát hệ thống và ngăn chặn các vụ tấn công vào hệ thống mạng làm giảm khả năng phục vụ khách hàng.
  - Chuẩn bị phương án đối phó để đáp ứng những trường hợp giao dịch tăng đột biến.
  - Phân công nhân sự đến chi nhánh và phòng giao dịch để hỗ trợ, xử lý sự cố công nghệ thông tin.
  - Báo cáo và đề xuất Ban điều hành các hành động quản lý hệ thống công nghệ thông tin.
- 3.5.2. Triển khai các biện pháp khôi phục huy động thông qua điều chỉnh quy định sản phẩm/ chương trình thu hút khách hàng đã rút tiền để gửi lại, đặc biệt đối tượng khách hàng lỗi.
- 3.5.3. Đưa ra các phương án phục hồi lòng tin của người gửi tiền.
- 3.5.4. Tiếp cận NHNN và các đối tác để thực hiện vay NHNN, vay thanh toán điện tử, vay thanh toán bù trừ, vay đặc biệt, vay tái cấp vốn và vay liên ngân hàng.
- 3.5.5. Thương lượng với các ngân hàng khác để thực hiện rút trước hạn những khoản tiền gửi/ cho vay chưa đáo hạn theo chi giảm thiểu thiệt hại cho ACB.
- 3.5.6. Phân bổ vốn cho các chi nhánh và phòng giao dịch dựa vào nhu cầu vốn, quy mô hoạt động và mức độ thiếu thanh khoản của các đơn vị.
- 3.5.7. Bán, chuyển nhượng hoặc cầm cố các tài sản có khác ngoài danh mục dự phòng thanh khoản của ACB để tạo thêm thanh khoản.
- 3.5.8. Một số giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng; tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 136 và Điều 138 của Luật Các TCTD.

#### **4. Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục:**

Khi được can thiệp sớm, lộ trình, thời hạn thực hiện dự kiến đối với các biện pháp khắc phục chủ yếu (nêu tại Điều 157 Luật Các TCTD) như sau:


- Truyền thông để khắc phục khó khăn về thanh khoản: 1 tháng.
- Biện pháp công nghệ thông tin để khắc phục khó khăn về thanh khoản: 3 tháng.

- Tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao: 3 tháng.
- Tăng vốn điều lệ và có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông quy định tại điểm b khoản 1 Điều 159 của Luật Các TCTD: 1 năm
- Bán, chuyển nhượng tài sản: 1 năm
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: 1 năm.
- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành: 1 năm.
- Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật: 1 năm

Khi được can thiệp sớm, lộ trình, thời hạn thực hiện dự kiến đối với từng biện pháp khắc phục chủ yếu nêu trên cũng như Phương án khắc phục sẽ được cập nhật theo văn bản yêu cầu của NHNN (như quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật Các TCTD), đảm bảo nhất quán với tình hình thị trường và nội bộ tại thời điểm đó.

### CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Phương án khắc phục có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2025.
2. Trong trường hợp Phương án khắc phục đã được ĐHĐCĐ thông qua và NHNN có ý kiến điều chỉnh (sửa đổi, bổ sung), thì việc điều chỉnh Phương án khắc phục theo ý kiến của NHNN sẽ do HĐQT thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD.
3. Trong trường hợp có quy định của pháp luật có liên quan mà chưa được đề cập trong văn bản này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật có liên quan mà khác với các điều khoản trong văn bản này thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng. 

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG   
 CHỦ TỌA  
  
 Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 10/3/2025 về việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua việc niêm yết các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp do Ngân hàng TMCP Á Châu phát hành ra công chúng trên hệ thống giao dịch chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật.
- Điều 2.** Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề cần thiết để thực hiện việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *luuu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA *luuu*



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



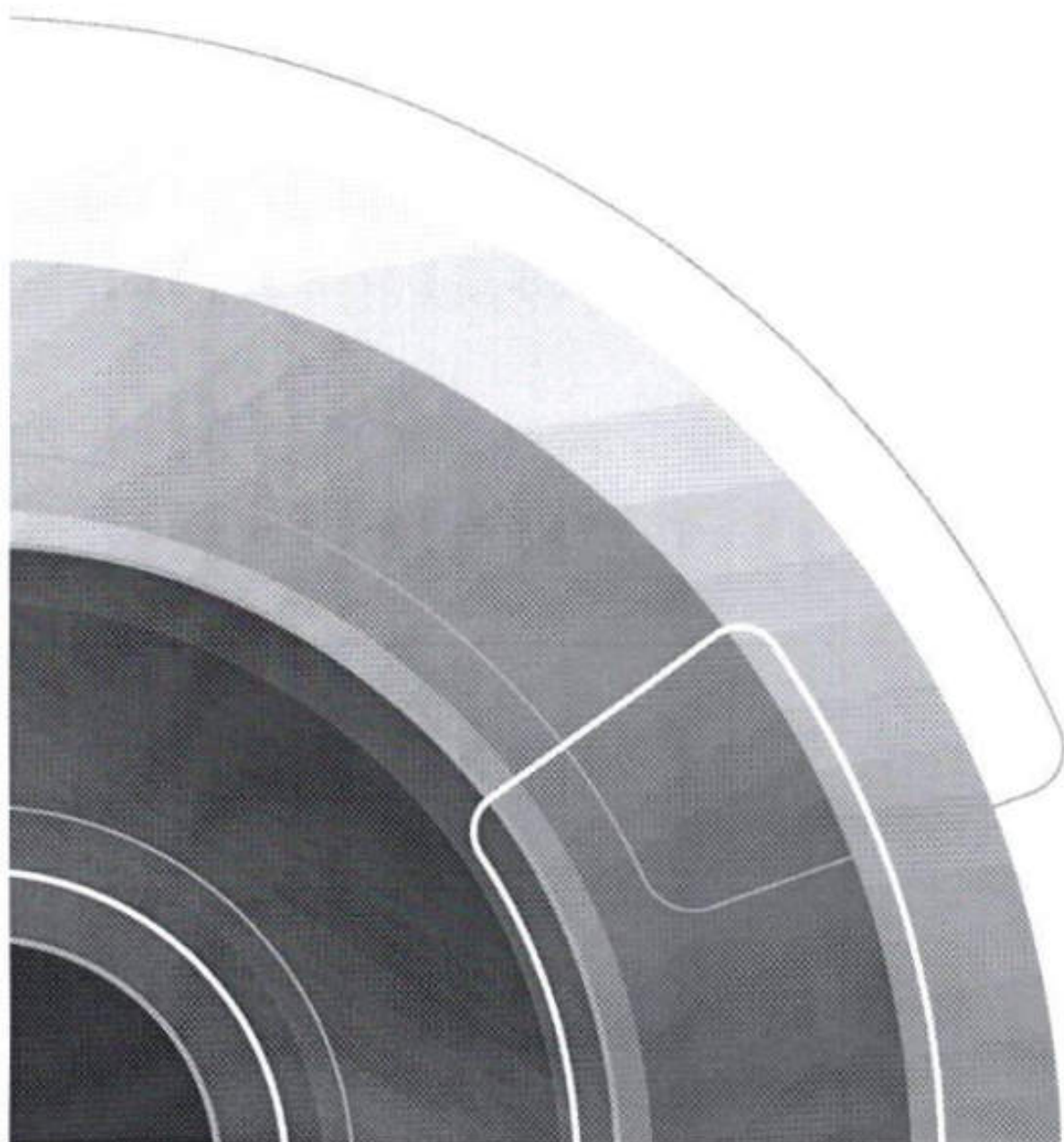
Trần Hùng Huy



# ACB

## ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025



## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....   | 5  |
| <b>MỤC I GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ</b> .....  | 5  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....  | 5  |
| <b>MỤC II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG</b> ..... | 7  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng.....                                       | 7  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....   | 7  |
| <b>MỤC III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG</b> .....   | 8  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động.....  | 8  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....   | 8  |
| Điều 6. Hoạt động huy động vốn.....  | 8  |
| Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng.....  | 8  |
| Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản.....  | 9  |
| Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần.....  | 9  |
| Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.....   | 10 |
| Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng.....   | 10 |
| Điều 12. Kinh doanh bất động sản.....  | 10 |
| Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng.....  | 10 |
| Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động.....   | 11 |
| <b>MỤC IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC</b> .....  | 11 |
| Điều 15. Vốn điều lệ.....  | 11 |
| Điều 16. Cổ phần.....  | 12 |
| Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần.....  | 12 |
| Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác.....   | 13 |
| Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần.....   | 13 |
| <b>MỤC V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....   | 15 |
| <b>A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b> .....   | 15 |
| Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý.....   | 15 |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>                                | <b>15</b> |
| Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc .....                                    | 15        |
| Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ .....   | 16        |
| Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ .....   | 17        |
| Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách .....  | 18        |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát .....                                    | 18        |
| Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc .....           | 19        |
| <b>C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ.....</b>   | <b>20</b> |
| Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ.....  | 20        |
| <b>MỤC VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>   | <b>21</b> |
| Điều 28. Quyền của cổ đông.....  | 21        |
| Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông.....   | 21        |
| Điều 30. Đại hội đồng cổ đông .....  | 23        |
| Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường.....  | 23        |
| Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....  | 24        |
| Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 25        |
| Điều 34. Thay đổi các quyền .....  | 26        |
| Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....                                | 27        |
| Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 28        |
| Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 28        |
| Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....                                   | 29        |
| Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....   | 31        |
| Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ..... | 31        |
| Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 33        |
| Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....  | 34        |
| Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....   | 34        |
| <b>MỤC VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>   | <b>34</b> |
| Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ .....  | 34        |
| Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....  | 35        |
| Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị .....  | 37        |
| Điều 47. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....  | 38        |

|  |           |
|--|-----------|
| Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....  | 38        |
| Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....  | 39        |
| Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....   | 42        |
| Điều 51. Thư ký công ty .....  | 42        |
| Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty .....  | 42        |
| <b>MỤC VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>   | <b>43</b> |
| Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý.....   | 43        |
| Điều 54. Người điều hành Ngân hàng .....   | 43        |
| Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.....  | 44        |
| Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc.....  | 45        |
| <b>MỤC IX BAN KIỂM SOÁT.....</b>   | <b>46</b> |
| Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ .....  | 46        |
| Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....  | 46        |
| Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....   | 48        |
| Điều 60. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....  | 48        |
| <b>MỤC X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....</b>     | <b>48</b> |
| Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành..... | 48        |
| Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích).....   | 48        |
| Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....  | 49        |
| <b>MỤC XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG .....</b>   | <b>50</b> |
| Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng .....  | 50        |
| <b>MỤC XII NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>  | <b>50</b> |
| Điều 65. Người lao động và Công đoàn .....   | 50        |
| <b>MỤC XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>   | <b>51</b> |
| Điều 66. Phân phối lợi nhuận.....  | 51        |
| <b>MỤC XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN...52</b>  | <b>52</b> |
| Điều 67. Tài khoản ngân hàng .....   | 52        |
| Điều 68. Chế độ tài chính .....  | 52        |
| Điều 69. Vốn và sử dụng vốn .....  | 52        |
| Điều 70. Các quỹ dự trữ.....   | 53        |
| Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng.....  | 53        |

|   |           |
|---|-----------|
| Điều 72. Năm tài chính .....  | 53        |
| <b>MỤC XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>          | <b>54</b> |
| Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....  | 54        |
| Điều 75. Báo cáo thường niên .....  | 54        |
| Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....   | 54        |
| Điều 77. Cung cấp thông tin .....   | 54        |
| Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật .....   | 54        |
| <b>MỤC XVI KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG .....</b>  | <b>55</b> |
| Điều 79. Kiểm toán .....  | 55        |
| <b>MỤC XVII DẤU CỦA NGÂN HÀNG .....</b>   | <b>55</b> |
| Điều 80. Dấu của Ngân hàng .....  | 55        |
| <b>MỤC XVIII CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ .....</b>         | <b>56</b> |
| Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt .....  | 56        |
| Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng .....  | 56        |
| Điều 83. Phá sản Ngân hàng .....  | 56        |
| Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng .....   | 56        |
| Điều 85. Gia hạn hoạt động .....  | 56        |
| Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động..... | 56        |
| <b>MỤC XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>   | <b>57</b> |
| Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....   | 57        |
| <b>MỤC XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ .....</b>  | <b>57</b> |
| Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ .....   | 57        |
| <b>MỤC XXI NGÀY HIỆU LỰC .....</b>  | <b>58</b> |
| Điều 89. Ngày hiệu lực .....  | 58        |

## PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là doanh nghiệp được thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 4 năm 2025.

## MỤC I GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ/chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "*Cổ đông*", là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
  - b. "*Cổ đông lớn*", là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
  - c. "*Cổ phần*", là vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành các phần bằng nhau. Mệnh giá cổ phần do Điều lệ quy định.
  - d. "*Cổ phiếu*", là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
  - e. "*Cổ tức*", là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
  - f. "*Công ty con*", là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
    - i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
    - ii. Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
    - iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
    - iv. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
  - g. "*Công ty liên kết*", là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.

- h. "*Luật Các TCTD*", là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
  - i. "*Luật Doanh nghiệp*", là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
  - j. "*Người điều hành*", bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
  - k. "*Người quản lý*", bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc của Ngân hàng.
  - l. "*Người có liên quan*", là tổ chức/cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể trong Luật Các TCTD.
  - m. "*NHNN*", là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - n. "*TCTD*", là Tổ chức tín dụng.
  - o. "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*", là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD.
  - p. "*Thời hạn hoạt động*", là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
  - q. "*Việt Nam*", là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  - r. "*Vốn điều lệ*", là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông và được ghi vào Điều lệ này.
  - s. "*Vốn pháp định*", là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
  3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
  4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**MỤC II**  
**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI**  
**DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN**  
**THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Ngân hàng**

1. Tên Ngân hàng
  - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.**
  - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Á Châu.**
  - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Asia Commercial Joint Stock Bank.**
  - Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **ACB.**
2. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Trụ sở chính đặt tại: **442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**  
Điện thoại: **(+84) (028) 3929 0999**  
Trang web: [www.acb.com.vn](http://www.acb.com.vn)
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết vào thời điểm thông qua Điều lệ này theo phụ lục đính kèm.
5. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 (năm mươi) năm, tính từ ngày 24/4/1993 và có thể gia hạn theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật**

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.



### MỤC III

## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động**

Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là:

1. Lợi nhuận cho cổ đông;
2. Nâng tầm giá trị sống của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng;
3. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
4. Góp phần xây dựng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng.
2. Ngân hàng có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo thẩm quyền.
3. Ngân hàng có phạm vi hoạt động và kinh doanh trong nước và khi cần thiết có thể hoạt động ở nước ngoài trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật liên quan.

#### **Điều 6. Hoạt động huy động vốn**

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi,
3. Vay vốn của các TCTD, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

#### **Điều 7. Hoạt động cấp tín dụng**

1. Ngân hàng thực hiện hoạt động cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau:
  - a. Cho vay;
  - b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
  - c. Bảo lãnh ngân hàng;

- d. Phát hành thẻ tín dụng;
  - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
  - f. Thư tín dụng;
  - g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Việc cấp tín dụng của Ngân hàng được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 8. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán qua tài khoản**

- 1. Ngân hàng thực hiện việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán khác phù hợp với nhu cầu của khách hàng và quy định của pháp luật.
- 2. Ngân hàng cung ứng các phương tiện, dịch vụ thanh toán sau:
  - a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
- 3. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 9. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần**

- 1. Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.
- 2. Ngân hàng phải thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động:
  - a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
  - b. Cho thuê tài chính;
  - c. Bảo hiểm.
- 3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
- 4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực:
  - a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

- b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của TCTD khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.
  6. Việc thành lập, hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.**

1. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:
  - a. Ngoại hối;
  - b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

**Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng**

1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

**Điều 12. Kinh doanh bất động sản**

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản, phải đảm bảo đúng mục đích quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định của Luật Các TCTD.

**Điều 13. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng**

1. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:
  - a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

- b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
  - c. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
  - d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
  - e. Kinh doanh vàng;
  - f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
  - g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.
2. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
    - a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
    - b. Phát hành trái phiếu;
    - c. Lưu ký chứng khoán;
    - d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
    - e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, TCTD nước ngoài, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
  3. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 14. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động được quy định tại Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **MỤC IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU, VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 15. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng là **44.666.579.120.000 đồng** (*Bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*) được chia thành **4.466.657.912 cổ phần**, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 đồng** (*Mười nghìn đồng*).
2. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

3. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 16. Cổ phần**

1. Các cổ phần của Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
2. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
3. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần chênh lệch được hạch toán theo quy định của pháp luật.
5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 15 (mười lăm) ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết nghị khác.
6. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của NHNN, quy định của pháp luật.
7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật. Cổ phần được Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần**

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% vốn điều lệ của Ngân hàng.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% vốn điều lệ của Ngân hàng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông đó của TCTD khác không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
  - a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là TCTD quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật Các TCTD;
  - b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
  - c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các TCTD.
6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, nắm giữ tỷ lệ cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Cổ phiếu, Trái phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác**

1. Cổ phiếu hoặc Chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là cổ phiếu) của Ngân hàng là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng.
3. Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần và thu hồi cổ phần**

1. Trừ khi pháp luật có quy định khác, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
4. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành, chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán và thị



trường chứng khoán. Ngân hàng phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Trung tâm/Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
6. Việc thu hồi cổ phần được thực hiện như sau:
  - Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó với những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng theo quy định.
  - Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày, kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
  - Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi trong các trường hợp được quy định trong Điều lệ này.
  - Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
  - Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
  - Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
7. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
8. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

## **MỤC V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **A. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

##### **Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc.
2. Ngân hàng gồm các đơn vị thuộc Hội sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, công ty con, và công ty liên kết.
3. Ngân hàng được mở các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con và công ty liên kết khi có nhu cầu và theo quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **B. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **Điều 21. Nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị điều hành hoạt động hàng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật.



4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải đảm bảo có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện; phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm; khi miễn nhiệm, bãi nhiệm phải báo cáo cho NHNN theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:
  - a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
  - c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
  - e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;
  - f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
  - g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
  - h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là TCTD bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
  - i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của TCTD theo quy định tại Điều

47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc TCTD bị thu hồi Giấy phép;

- j. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
  - k. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Các TCTD;
  - l. Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

**Điều 23. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và TCTD khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;
  - b. Người quản lý, người điều hành TCTD khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
  - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của TCTD khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a. Người điều hành của Ngân hàng;
  - b. Người quản lý, người điều hành TCTD khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
  - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của TCTD khác, doanh nghiệp khác.
4. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, TCTD khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

- b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
5. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của TCTD khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.
6. Những trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

**Điều 24. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:
- a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 22 Điều lệ này;
  - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
  - c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
  - f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
  - g. Bị chết;
  - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d, f, g và h khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;

từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, ứng viên Ban kiểm soát phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
  - a. Họ tên,
  - b. Ngày, tháng, năm sinh;
  - c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);
  - f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
  - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

**Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;

- b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
  - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD;
2. Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

### **C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

#### **Điều 27. Hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ**

Ngân hàng sẽ thiết lập Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành của Tổng giám đốc từ trụ sở chính đến các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng. Cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Ngân hàng. Ngân hàng phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các công ty trực thuộc.
2. “Kiểm toán nội bộ” là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. “Bộ phận kiểm toán nội bộ” là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng. Kiểm toán nội bộ được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng và trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức bộ máy của Kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

## MỤC VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### **Điều 28. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông nắm giữ.
  - d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.
  - e. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
  - f. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi giải thể hoặc phá sản.
  - h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
  - i. Ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
  - j. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Ngoài các quyền được nêu tại khoản 2 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông có thêm quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp;



2. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần mua lại mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do các TCTD hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
4. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;
5. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
6. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi:
  - a. Vi phạm pháp luật.
  - b. Tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng;
  - d. Các hành vi khác khi không có sự chấp thuận hợp lệ của Ngân hàng.
7. Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
8. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần;
9. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông;
10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 30. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
3. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **Điều 31. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
  - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của NHNN;
  - c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - f. Theo yêu cầu của NHNN;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này;





- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 49 của Điều lệ này.

### **Điều 32. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
  - b. Thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
  - c. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
  - e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
  - g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
  - h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
  - i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
  - j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật Các TCTD;
  - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

- m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
  - n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
  - o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;
  - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
  - s. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Luật Các TCTD;
  - t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
  - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyết định về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  3. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 33. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình; có thể ủy quyền lại cho người khác dự họp nếu được cổ đông đồng ý. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện này.
2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông (kể cả trường hợp ủy quyền lại) phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
  - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin Bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ pháp lý của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin Bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của Bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của Bên ủy quyền.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại

#### **Điều 34. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua

người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
  - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho đại hội; dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - c. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - d. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
  - e. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật.
- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 36. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- 2. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

#### **Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện **trên 50%** số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 02 (hai) được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ 03 (ba) được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Trong trường hợp này, Đại hội cổ đông lần thứ 02 (hai) hoặc lần thứ 03 (ba) có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

### **Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 (ba) người;
  - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c. Chủ tọa cử 01 (một) hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
    - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
    - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
  7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
    - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
3. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm h và điểm p khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
4. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.

**Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi đạt tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 39 Điều lệ này.
2. Để các quyết định được các cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
  - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
  - b. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình cho cổ đông, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả")



các tài liệu đó (nếu cần) kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng; Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; mục đích lấy ý kiến; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến; thời hạn gửi về Ngân hàng Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- c. Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
  - d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm chức vụ quản lý trong Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; mục đích và các vấn đề cần xin ý kiến để thông qua quyết định; số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề; các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  4. Biên bản kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết được gửi cho các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
  5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

#### **Điều 41. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu cần có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

#### **Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 43. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Ngân hàng.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **MỤC VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thể thức bỏ phiếu hoặc giơ tay.
3. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.
5. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

6. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải thông báo cho NHNN.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
  - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
  - b. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
10. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
4. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
16. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
20. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
21. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
22. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

23. Quyết định mức bồi thường, cơ chế bồi thường và các vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn chứng minh tổn thất về tài sản đối với khoản nợ do nguyên nhân chủ quan.
24. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
  - h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
  - i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền và nghĩa vụ chung.
  - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
  - k. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
  - l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- b. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
- d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định một số nội dung theo quy định của Luật Các TCTD.
- f. Thực hiện nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- g. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 47. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải

tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
  - d. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - e. Có đề nghị của Tổng giám đốc.





4. Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

10. Biểu quyết:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu

quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bản về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
14. Biên bản: Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.
15. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.
16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

17. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 50. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

#### **Điều 51. Thư ký công ty**

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 (một) hay nhiều người làm thư ký công ty và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào, tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký công ty và Ngân hàng. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Thông báo việc triệu tập, tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay của Ban kiểm soát;
2. Ghi biên bản cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông;
5. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị, của văn bản pháp luật khác có liên quan.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 52. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
  - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

## **MỤC VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 53. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Ngân hàng phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Ngân hàng có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 54. Người điều hành Ngân hàng**

1. Người điều hành Ngân hàng bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
2. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
3. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách

nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
5. Mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
6. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được báo cáo NHNN. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 (ba) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.
3. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
4. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN theo quy định của pháp luật.
5. Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.
6. Trong trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối

với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi NHNN theo quy định của pháp luật.

**Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, và quyết định của Hội đồng quản trị.



## MỤC IX BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc giơ tay.
2. Ban kiểm soát Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

### **Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ như sau:
  - a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ này và Luật Các TCTD.
  - b. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
  - c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
  - d. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- e. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
  - f. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD.
  - g. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
    - i. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
    - ii. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
  - h. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
  - i. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
  - j. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Ngân hàng.
  - k. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trong trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
  - l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
  - m. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm f, h và k khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
  - n. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.



**Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu hoặc mời thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 60. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**MỤC X**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC  
VÀ THÀNH VIÊN KHÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**Điều 61. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng.

**Điều 62. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi (xung đột lợi ích)**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc và thành viên khác của Ban điều hành chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có với các tổ chức kinh tế khác, các cá nhân hoặc các giao dịch

khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật Các TCTD và văn bản hướng dẫn Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
  - a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng, giao dịch hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, giao dịch không được phép tham gia biểu quyết.
  - b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng, giao dịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, giao dịch không được phép tham gia biểu quyết.
7. Trong trường hợp hợp đồng, giao dịch được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 6 Điều này thì hợp đồng, giao dịch đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.

### **Điều 63. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các thành viên khác của Ban điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Ngân hàng bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, hoặc thành viên khác của Ban điều hành, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **MỤC XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG**

### **Điều 64. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng**

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

## **MỤC XII NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 65. Người lao động và Công đoàn**

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý

tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định của pháp luật hiện hành.

### MỤC XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

#### Điều 66. Phân phối lợi nhuận

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức hoặc các nội dung khác theo quy định của pháp luật.
3. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
4. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.

7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.
8. Trong trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **MỤC XIV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 67. Tài khoản ngân hàng**

1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại TCTD được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
4. Ngân hàng sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 68. Chế độ tài chính**

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng.

#### **Điều 69. Vốn và sử dụng vốn**

1. Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 70. Các quỹ dự trữ**

1. Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
  - Quỹ dự phòng tài chính;
  - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
  - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
  - Quỹ khen thưởng;
  - Quỹ phúc lợi;
  - Các Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ nêu trên phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

#### **Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng**

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 72. Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

#### **Điều 73. Chế độ kế toán**

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của NHNN và pháp luật liên quan.
2. Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.
4. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.



**MỤC XV**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 74. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Ngân hàng lập các báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được gửi tới tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trong trường hợp Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.

**Điều 75. Báo cáo thường niên**

Ngân hàng lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 76. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Ngân hàng công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan có thẩm quyền các báo cáo tài chính và các thông tin, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 77. Cung cấp thông tin**

1. Ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản mở tại Ngân hàng theo thỏa thuận giữa hai bên.
2. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng có thể trao đổi thông tin về hoạt động của mình với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

**Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật**

1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng bằng bất cứ hình thức nào.
2. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của mình theo quy định của Chính phủ.

3. Ngân hàng không được cung cấp thông tin khách hàng của mình cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

## **MỤC XVI KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG**

### **Điều 79. Kiểm toán**

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. Ngân hàng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
2. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Tổ chức kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, xác thực và báo cáo theo quy định của pháp luật trên cơ sở báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và gửi Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho Hội đồng quản trị.
4. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

## **MỤC XVII DẤU CỦA NGÂN HÀNG**

### **Điều 80. Dấu của Ngân hàng**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng.
3. Việc quản lý và sử dụng dấu theo quy định nội bộ của Ngân hàng.





**MỤC XVIII**  
**CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI,**  
**PHÁ SẢN, VÀ GIẢI THỂ**

**Điều 81. Can thiệp sớm và Kiểm soát đặc biệt**

Ngân hàng có thể bị NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm hoặc đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp theo quy định của Luật Các TCTD. Trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các bên có liên quan khi Ngân hàng bị can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt, thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 82. Tổ chức lại Ngân hàng**

Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, chuyển đổi loại hình tổ chức sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 83. Phá sản Ngân hàng**

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD và quy định của pháp luật khác về phá sản.

**Điều 84. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng**

1. Ngân hàng bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
  - a. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
  - b. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
  - c. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
  - d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 85. Gia hạn hoạt động**

Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

**Điều 86. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động**

1. Trong trường hợp Ngân hàng nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản và được thụ lý, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 84 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định. Trong quá trình giám sát thanh lý, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh

toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN có thể quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản Ngân hàng theo quy định.

3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng chịu.

## **MỤC XIX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 87. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Các TCTD, và các văn bản pháp luật có liên quan quy định, giữa:
  - a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được khi hòa giải thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc kể từ khi quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **MỤC XX**

### **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 88. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng mà chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định của pháp luật mà khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

**MỤC XXI**  
**NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 89. Ngày hiệu lực**

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Bản điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) mục, 89 (tám mươi chín) Điều được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu nhất trí thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
3. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

*m*  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *Luca*

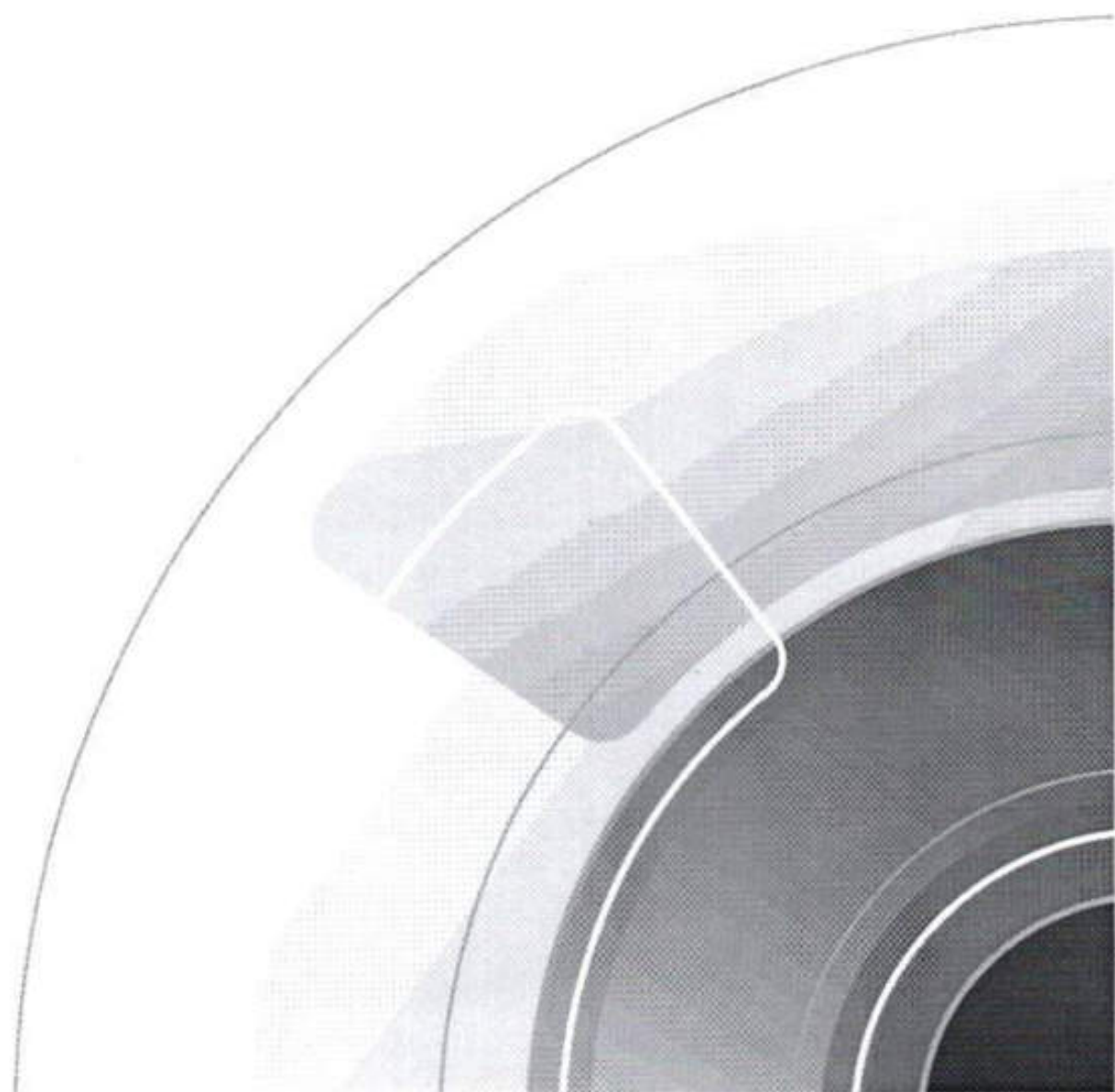


*m*  
**Cừ Tiên Phát**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

442 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
**Contact Center 24/7:**  
1900 54 54 86 - (028) 38 247 247

acb.com.vn

**ACB**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 1250/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày 04/4/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *luu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luu*  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I

|   |   |
|---|---|
| <b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....             | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....        | 1 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng .....         | 1 |
| Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản..... | 1 |

## CHƯƠNG II

|   |   |
|---|---|
| <b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....   | 1 |
| Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....   | 1 |
| Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp .....           | 1 |
| Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 2 |
| Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....                                       | 2 |
| Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 3 |
| Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....                                   | 4 |
| Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 4 |
| Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....   | 5 |
| Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ..... | 5 |

## CHƯƠNG III

|  |    |
|--|----|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....   | 6  |
| Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....                       | 6  |
| Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....              | 7  |
| Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị.....   | 7  |
| Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....                     | 8  |
| Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị .....                    | 9  |
| Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....            | 9  |
| Điều 19. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....       | 10 |
| Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị .....             | 10 |
| Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị .....        | 10 |
| Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị .....                            | 10 |
| Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty .....         | 10 |
| Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty.....            | 11 |
| Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty ..... | 11 |



## **CHƯƠNG IV**

|  |    |
|--|----|
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b> .....   | 11 |
| Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....                      | 11 |
| Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....            | 11 |
| Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát..... | 12 |
| Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát.....                           | 12 |
| Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....                   | 12 |
| Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....           | 12 |
| Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....                           | 12 |
| Điều 33. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....     | 13 |

## **CHƯƠNG V**

|   |    |
|---|----|
| <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....                                  | 13 |
| Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc..... | 13 |
| Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....           | 13 |
| Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.....                    | 13 |
| Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc.....                        | 13 |
| Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.....        | 14 |
| Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.....  | 14 |

## **CHƯƠNG VI**

|  |    |
|--|----|
| <b>PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b> ..... | 14 |
| Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....              | 14 |
| Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.....              | 14 |
| Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc.....                  | 15 |

## **CHƯƠNG VII**

|  |    |
|--|----|
| <b>KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b> ..... | 16 |
| Điều 43. Khen thưởng.....  | 16 |
| Điều 44. Kỷ luật.....  | 16 |

## **CHƯƠNG VIII**

|   |    |
|---|----|
| <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> ..... | 16 |
| Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung.....   | 16 |

*ru*

# NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

## QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1905/TCQĐ-ĐHDCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025  
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

#### Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

### Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng (Luật Các TCTD) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

#### Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ



đồng được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
  - b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

#### **Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để các cổ đông có thể tiếp cận.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;
  - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

### **Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa).
2. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

### **Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng mang tính chất kết luận cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại đại hội cổ đông. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu cần có thể được lập bằng tiếng nước ngoài, cả hai đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  4. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

#### **Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

#### **Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các nội dung sau:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
  - b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;

- c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
  - d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
  3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý, người điều hành.
  5. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Chương III**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau:
  - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng;
  - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan;
  - c. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
  - d. Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;

- e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
  - f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
  - g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;
  - h. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD;
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
  - c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
  - d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó;
  - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
  - c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
  - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
  - e. Không phải là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

#### **Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên;
- b. Ngày, tháng, năm sinh;
- c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có));
- f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có).

#### **Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
  - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
  - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định của Luật Các TCTD.
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.



2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### **Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

#### **Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.
  - a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
  - b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.

#### **Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

#### **Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

#### **Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
  - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
  - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

### **Chương IV**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số

thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
5. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

#### **Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát**

Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này.

#### **Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

#### **Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát của Ngân hàng;
  - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Luật Các TCTD;
  - d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

### **Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

## **Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các TCTD và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

### **Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật Các TCTD và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc**

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

**Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

**Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc**

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

**Chương VI**

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT  
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và, nếu thấy cần thiết, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc**

1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.

2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì; người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc**

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản cuộc họp này.
2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

## Chương VII

### KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

#### Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

## Chương VIII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Ngân hàng được áp dụng quy định chuyển tiếp theo Điều 210 Luật Các TCTD.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1250/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày 04 tháng 4 năm 2024.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị  
Ngân hàng TMCP Á Châu

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHDCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 27/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 1317/TCQĐ-ĐHDCĐ.19 ngày 23/04/2019 về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *J. Nguyễn*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)



Trần Hùng Huy



## MỤC LỤC

### CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

### CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

### CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Điều 17. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị.

Điều 18. Ủy ban Quản lý rủi ro

Điều 19. Ủy ban Nhân sự

### CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

### CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hằng năm

Điều 24. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan

## **CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Mối quan hệ với ban điều hành

Điều 28. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Hiệu lực thi hành

**QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1906/TCQĐ-ĐHĐCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025  
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu và các quy định pháp luật khác.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu ("*Ngân hàng*").

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. "*Luật Các TCTD*", là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
2. "*Người điều hành*", là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh.
3. "*Người quản lý*", là Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; và Tổng giám đốc.
4. "*Thành viên độc lập*", là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Các TCTD.
5. "*Cổ đông lớn*", là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
6. "*Người có liên quan*", là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác, được quy định cụ thể tại Luật Các TCTD.
7. "*Công ty con*" của Ngân hàng, là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Các TCTD.

Các thuật ngữ, từ ngữ viết tắt trong Quy chế này nếu không được quy định, giải thích tại Quy chế này thì được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc (và các đơn vị liên quan) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG II**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
4. Được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, trừ các nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các TCTD.
5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
7. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý và người điều hành khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, các đơn vị trong Ngân hàng và công ty con của Ngân hàng.
2. Người quản lý, người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu**

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật Các TCTD;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ từ đại học trở lên.
4. Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

5. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

#### **Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.
3. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
4. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.

#### **Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
  - c. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
  - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
  - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - g. Ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
  - h. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

- i. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- j. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.
- k. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- l. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 10. Đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Luật Các TCTD;
  - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
  - c. Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
  - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - e. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
  - f. Bị chết.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 11 Miễn nhiệm, bãi nhiệm**

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
  - b. Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
  - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 12. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn (văn bản) gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04



(bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đã đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải duy trì tỷ lệ sở hữu cho đến khi Ngân hàng hoàn tất thủ tục, hồ sơ gửi NHNN xin chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
  - a. Họ tên,
  - b. Ngày, tháng, năm sinh;

- c. Trình độ học vấn và chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty khác (nếu có);
  - f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
  - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Luật Các TCTD.
  - b. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
  - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, Thư ký công ty, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó.
  - d. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
  - e. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

- f. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- g. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- h. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng) giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
- i. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
- j. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính.
- k. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- l. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- m. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng.
- n. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- o. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
- p. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- q. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- r. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- s. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - t. Có thể ủy quyền cho các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ những nội dung không được ủy quyền theo quy định của pháp luật.
  - u. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
  - v. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
  - w. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ Ngân hàng, và gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
  - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các TCTD và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị hoặc số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc các văn bản pháp luật có liên quan;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến

- nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - f. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này.
  3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc cần thiết theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 17. Các đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của hai ủy ban này thực hiện theo Điều 18 và Điều 19 của Quy chế này.
2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban khác hoạt động thường xuyên, hoặc hoạt động để giải quyết một hoặc một số vấn đề nhất định và tự động giải thể khi kết thúc công việc. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quy định.
3. Văn phòng Hội đồng quản trị là đơn vị giúp việc cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 18. Ủy ban Quản lý rủi ro**

1. Ủy ban Quản lý rủi ro gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tối thiểu 01 (một) thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban Quản lý rủi ro có các chức năng, nhiệm vụ sau:
  - a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

- b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.
- e. Các chức năng, nhiệm vụ khác quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro.

### **Điều 19. Ủy ban Nhân sự**

- 1. Ủy ban Nhân sự gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 2. Ủy ban Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ sau:
  - a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị về vấn đề tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng.
  - b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về cơ cấu quản trị điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng.
  - c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
  - d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
  - e. Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.
  - f. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự.

## CHƯƠNG IV

### CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 20. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
  - d. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - e. Có đề nghị của Tổng giám đốc.
4. Đề nghị họp bất thường quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e khoản 3 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quyết định.
7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu họp đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trong trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
10. Biểu quyết:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
  - b. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi hoặc quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ phi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
11. Khai báo quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới một hợp đồng hoặc một thỏa thuận đang giao kết hoặc dự kiến giao kết với Ngân hàng, thì phải khai báo ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị bàn về hợp đồng hoặc giao kết đó; hoặc tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất kể từ thời điểm thành viên đó biết việc có liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ



toạ cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

13. Trong trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
14. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác; nhưng không được tham gia biểu quyết.
15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
  - c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.
16. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, có đầy đủ các nội dung quy định pháp luật, và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị từ chối ký

biên bản, thì người ghi biên bản ghi rõ trong biên bản về việc thành viên Hội đồng quản trị đó từ chối ký biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được chủ tọa, các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản ký tên. Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.

2. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng nhiều hình thức, nhưng phải đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ và kịp thời
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
  - d. Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký công ty kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

- c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
  - e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
  7. Biên bản kiểm phiếu kèm quyết định, nghị quyết mà Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
  9. Quyết định, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định, nghị quyết được thông qua tại cuộc Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 23. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
  - b. Báo cáo tài chính;
  - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
  - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát;
  - e. Các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% vốn điều lệ trở lên;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
  - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
  - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông

tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông,

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 27. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết đó.

#### **Điều 28. Mối quan hệ với Ban kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 29. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08

tháng 4 năm 2025 và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1317/TCQĐ-DHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Nội dung chuyển tiếp:

- a. Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 6 của Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ hiện tại.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hiện tại. *lu*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *lu*  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát  
Ngân hàng TMCP Á Châu

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-DHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình của Ban kiểm soát ngày 27/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2025,

### QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 1318/TCQĐ-DHĐCĐ.19 ngày 23/04/2019 về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *ph-vu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

**Đính kèm:**

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luuu*  
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

## MỤC LỤC

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Điều 3. Giải thích từ ngữ

### **Chương II BAN KIỂM SOÁT**

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

Điều 6. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát

### **Chương III THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Điều 9. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

Điều 15. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 17. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

### **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 20. Biên bản họp Ban kiểm soát

### **Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Điều 22. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

### **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành



Điều 26. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

## **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

**QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1907/TCQĐ-DHĐCĐ.25 ngày 08 tháng 4 năm 2025  
của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng TMCP Á Châu ("**Ngân hàng**") theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động**

1. Ban kiểm soát (BKS) thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT).
2. BKS tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Ngân hàng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. "**Người điều hành Ngân hàng**" bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
2. "**Người quản lý Ngân hàng**" bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**"); Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
3. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. "**Người có liên quan**" là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật Các TCTD.

5. "*Công ty con của Ngân hàng*" là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Các TCTD.
6. "*Luật Các TCTD*", là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Các thuật ngữ, từ ngữ viết tắt trong Quy chế này nếu không được quy định, giải thích tại Quy chế này thì được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ Ngân hàng.
2. Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán và báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
  - b. Theo yêu cầu Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
  9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 5 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
  10. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
  11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
  12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
  13. Kịp thời báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
  14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

#### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
  - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;
  - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

#### **Điều 6. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát**

BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Chương III**

## **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. BKS của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên BKS không đủ số thành viên tối thiểu thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD.
3. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD.
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.
3. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
4. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.
5. Trưởng BKS phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

### **Điều 9. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên BKS của Ngân hàng phải:

1. *Chính trực*: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
2. *Khách quan*: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
3. *Bảo mật*: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;
4. *Trách nhiệm*: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
5. *Thận trọng*: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố: mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc thực hiện; khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.
6. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

Những người sau đây không được là thành viên BKS của Ngân hàng:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Các TCTD.
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của BKS; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
5. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành,

cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

6. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Ngân hàng.

#### **Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

1. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT của Ngân hàng là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

#### **Điều 12. Đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên BKS:
  - a. Bị chết;
  - b. Vi phạm quy định tại Điều 10 của Quy chế này;
  - c. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - d. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
2. HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên BKS đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên BKS đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên BKS của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Luật Các TCTD và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
  - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

- c. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
- d. Thay mặt BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 11 Điều 52 Luật Các TCTD hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.
- e. Tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.
- h. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
- i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

#### **Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS.
3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng BKS về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.



8. Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

#### **Điều 15. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

#### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 12 Quy chế này, Trưởng ban kiểm soát, thành viên khác của BKS Ngân hàng bị Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của Ngân hàng;
  - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy chế này;
  - d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

#### **Điều 17. Thay thế thành viên Ban kiểm soát**

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.
2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.
3. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp BKS có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này thì BKS đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để tiến hành bầu bổ sung. Ngân hàng phải bảo đảm số thành viên tối thiểu của BKS theo quy định trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

**Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác;
  - e. Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
  - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
 Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## Chương IV

### CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:
  - a. Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên HĐQT;
  - b. Trưởng BKS;
  - c. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên BKS;
  - d. Tổng giám đốc;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, c, d, e Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau 02 (hai) lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, HĐQT và các thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp BKS được tiến hành chậm nhất sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên BKS. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS và cả các phiếu bầu cho những thành viên BKS không thể dự họp. Những thành viên BKS này sẽ gửi phiếu bầu cho BKS trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên BKS được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp BKS không đủ

số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.

7. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.

8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT và cuộc họp BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).

10. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.

#### **Điều 20. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Cuộc họp BKS phải được lập chi tiết và rõ ràng, ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp BKS. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp BKS cho các thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp BKS trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

### **Chương V**

## **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 21. Trình báo cáo hàng năm**

Các báo cáo của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

#### **Điều 22. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên BKS được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ, và các chi phí khác với mức hợp lý theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

#### **Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên BKS phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc);
  - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
  - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Thành viên BKS phải đảm bảo thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin của mình.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên BKS.

#### **Điều 25. Mối quan hệ với Ban điều hành**

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

**Điều 26. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua, và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1318/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**Điều 28. Quy định chuyển tiếp**

Trường hợp BKS nhiệm kỳ hiện tại được bầu phù hợp với các quy định của pháp luật, nhưng chưa đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn thành viên theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục duy trì số lượng thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Huỳnh Nghĩa Hiệp**